






THẬP MỤC NGƯU ĐỒ

十牧牛圖







Do CHƯ THIÊN ĐỒ MINH LÝ
minh giải bằng văn vần trong dịp
Kỷ niệm 60 NĂM MINH LÝ ĐẠO KHAI

☆

PHỤ LỤC
MINH HỌA THEO TRANH
TRÊN CHÁNH ĐIỆN TAM TÔNG MIẾU







- Ấn bản 2013 -

THÁNH NGÔN

QUÁN: Tam quán pháp Mục Ngưu đồ,
ÂM sắc thiền đa tiệm nhứt vô;
BỒ hạnh giác tâm tu định huệ,
TÁT trì chánh niệm nhập Tỳ lô.

Bản Đạo chấp thuận sự thỉnh cầu của chư thiên ân Thánh đồ MINH LÝ xin cung tặng cho chư đạo hữu bài ca “*Thập Mục Ngưu đồ*” để kỷ niệm ngày Chu niên lục giáp MINH LÝ ĐẠO KHAI. Nhon trong lúc đồng tử nhập thất tâm thanh tịnh có đủ phương tiện ứng tiếp điển quang, vì trong lúc này thiết cơ đàn không tiện lợi.

Bản Đạo ban lệnh cho chư Thánh đồ mỗi vị được thuyết trình một đoạn, nối tiếp thành một bài trường thiên, theo sự phân công của Bản Đạo thứ lớp như sau :

- Phần khai đề : Giám Đàn Chơn Quân (MINH CHÁNH).
- Đồ thứ nhứt : Quảng Tế Chơn Nhơn (MINH ĐÀM)
- Đồ thứ nhì : Khai Thiên Chơn Nhơn (MINH ĐẠO)
- Đồ thứ ba : Bảo Đức Chơn Nhơn (MINH TRUYỀN)
- Đồ thứ tư : Ly Cầu Chơn Nhơn (MINH ĐỨC)
- Đồ thứ năm : Phổ Thiện Chơn Nhơn (MINH NGÔN)
- Đồ thứ sáu : Diệu Quan Chơn Nhơn (KHAI SẮC)
- Đồ thứ bảy : Thông Huyền Đạo Nhơn (KHAI DIỆU)
- Đồ thứ tám¹ : Phổ Đức Chơn Nhơn (CHƠN NHỨT)

¹ Đồ thứ 8, Phổ Đức gánh không nổi, nên Bản Đạo (Quan Âm Bồ Tát) đổi lên đồ thứ 6, còn Diệu Quan đổi xuống đồ thứ 8 (QABT, TN 16-9-1983)

- Đồ thứ chín : } **BÁC NHÃ THIÊN SƯ** (MINH THIỆN)

- Đồ thứ mười: } **BÁC NHÃ THIÊN SƯ** (MINH THIỆN)

Về thăm viếng thì được miễn, sẽ có dịp khác. Thời giờ đồng tử phải tịnh tu, thời gian eo hẹp.

Song Bản Đạo cũng chưa tin tưởng chư vị Thánh đồ chưa thâm hiểu ý nghĩa ảo diệu của Pháp Nhứt Thừa, nhưng có thể đạo hữu lý nhận mà tìm thêm, khi chính mình đã được thâm ngộ.

Bản Đạo hộ trì cho chư vị Thánh đồ đến trong mỗi ngày, thời khắc buổi mai. Bản Đạo sẽ mở khiếu đặc biệt của đồng tử theo từng cơ năng căn trí hợp với thân quang của mỗi vị.

Chư thiên đồ y lệnh tuân hành.

(09/9/1983)



**THẬP MỤC NGUÛ ĐỒ,
CHUYÊN MÊ KHẢI NGỘ,
CỠ RÂU VỀ NHÀ,
AN VUI HẾT KHỔ.**

I. LÝ DO PHÁT TÂM		
II. TỈNH SÁT 1 - 2 - 3	1. Sai tâm bắt tâm - Chưa thấy tâm - Thấy sơ sơ - Thấy một nửa 2. Bắt tâm	GIỚI
III. HÀNG PHỤC VỌNG TÂM 4 - 5	Khắc trị 1- Thấy rõ 2- Ché phục 3- Tu dưỡng	
IV. CHUYÊN TÂM NHỨT XỨ 5 - 6 - 7 Thiền định chỉ quán	1- Thiền: Tâm vô tâm 2- Định: Tỳ-Lô định xứ	ĐỊNH
V. VONG HÌNH TUYỆT TƯỚNG 6 - 7 - 8 ĐỊNH HUỆ SONG TU	Định: Vô tâm Định huệ minh tâm Kiến tánh	
VI. PHẢN BỒN HOÀN NGUYÊN 9 - 10 GIỚI, ĐỊNH, HUỆ tự giác, tự tri THUNG DUNG NHẬP CẢNH NGÃ PHÁP BẤT NHỊ	Bình thường tâm	HUỆ

(Quan Âm Bồ Tát - 9/9/1983)

GIÁM ĐÀN, BÁC NHÃ, đại **KHAI THIÊN**,
QUẢNG TẾ quản mê **PHỔ THIÊN** duyên.
LY CẦU, DIỆU QUAN, tu **BẢO ĐỨC**,
 Thiên đồ **PHỔ ĐỨC** đặng **THÔNG HUYỀN**.

Chư Thiên đồ chúng tôi được sự chấp thuận của Bồ Tát minh giải THẬP MỤC NGƯU ĐỒ bằng văn vần để kỷ niệm 60 năm MINH LÝ ĐẠO KHAI, làm của lễ mừng ngày chu niên, đánh dấu kết quả thời gian công lao tu học của toàn môn sanh trong MINH LÝ THÁNH HỘI, để đạo hữu học tụng ngâm nga cho dễ nhớ. Mong toàn đạo học nằm lòng mà trau sửa đạo hạnh, lần vào môn giải thoát.

*GIÁP TÝ sang qua QUÍ HỘI rồi,
 Môn sanh MINH LÝ chúng ta ôi !
 Đạo thành chờ đợi lòng tu chứng,
 Sứ mệnh ngày mong sớm phục hồi.*

*Kính cẩn dâng lên với tác lòng,
 Mừng ngày Khai Đạo Hội TAM TÔNG,
 Mười bài “Ngưu Mục”, môn viên đón,
 Gửi đến môn sanh Thánh Hội dùng.*



**Thập mục ngưu đồ,
 Chuyển mê khai ngộ.
 Cỡi Trâu về nhà,
 An vui hết khổ.**



THẬP MỤC NGƯU ĐỒ



- 1- *Nền **MINH LÝ TIÊN THIÊN ĐẠI ĐẠO**,
BÌNH ĐẰNG Tâm vạn giáo đồng nguyên.
 Thiên nhơn **CỘNG TÁC** Thánh truyền,
 Đại đồng **HÒA ÁI** kết liên tu hành.*
- 2- *Lo khắc kỷ, làm lành lánh dữ,
 Phát thiện tâm, phụng sự Đạo Trời.
 Noi theo Lý Tánh chớ dời.
 Lập công bồi đức, thời thời thi đua.*
- 3- *Thập Ngưu Đồ tại chùa có họa,
 Hai bên tường đủ cả mười tranh.
 Vẽ lên nhắc kẻ tu hành,
 Chánh tâm diệt dục, viên thành tánh nguyên.*
- 4- *Đó mười bức tranh Thiên đốn ngộ,
 Từ giả tâm đến chỗ chơn tâm.
 Lăn hồi từ thiện vào thâm,
 Chuyển mê khai ngộ, diệt mầm vô minh.*
- 5- *Người gặp Đạo tâm linh thúc đẩy,
 Sản thiện căn nghe thấy điều lành.
 Gia đình cha mẹ tu hành,
 Đến chùa nghe giảng, xem kinh tỏ lòng.*

- 6- Nhưng cũng chưa rõ thông lý Đạo,
Nhờ bạn, Thầy chỉ giáo, giải phân.
Những điều thắc mắc nơi thân,
Tại sao lẫn lộn giả chân nơi lòng ?
- 7- Có nhân quả hay không nhân quả?
Vay thế nào mà trả làm sao ?
Người hiền lận đận lao đao,
Kẻ hung hiểm lại quyền cao sang giàu.
- 8- Kiếp trước gây, kiếp sau thọ báo,
Muốn hiểu thông lẽ Đạo chánh tà.
Mọi điều do bởi cái Ta,
Trong tâm có đủ Phật, ma, thú, người.
- 9- Lần lượt xem qua mười bức họa,
Đã nói lên tất cả nội lòng.
Những gì chất chứa bên trong,
Do Thân, Khẩu, Ý, vạy cong lối lầm.
- 10- Tham, sân, si, sát, dâm, đạo, vọng,
Án oán gây kết đọng nhiều đời.
Tuy nay may đặng làm người,
Nếu không tu luyện, khó rời trái oan.
- 11- Nỗi ái ân, bạc vàng trời chặt,
Thêm thất tình, lục tặc lung tung.
Khát khao tham vọng vô cùng,
Mịt mờ biển khổ, khó trông hồi đầu.

- 12- **Duyên lự tâm dụ Trâu hung dữ,**
Tích tập tâm Mục tử hiền lành.
Bởi vì sanh sự, sự sanh,
Thiên tâm phút chốc biến thành thú tâm.
- 13- Phát Bồ Đề cầu tâm Lý Tánh,
Cho rõ thông phạm thánh đôi đường.
Tánh chơn muôn thuở miên trường,
Tâm thì gồm đủ: âm dương, thánh phạm.
- 14- Tánh thuần nhứt, tâm hàm thiện ác,
Ví Mục đồng tính giác Bồ Đề.
Dụ Trâu phiền não, đấm mê,
Rõ ra phiền não, Bồ Đề một tâm.
- 15- Bởi bất giác lỗi làm một niệm,
Chấp có Ta, nguy hiểm vì Ta.
Vô sinh, sinh cái, sinh ra,
Sinh ra thấy biết đều là thuẩn mâu.

GIÁM ĐÀN CHƠN QUÂN
3/8 Quý Hợi (09.09.1983)





Đồ thứ nhứt kiếm Trâu thất lạc,
 Tâm bất tâm, chưa giác được tâm;
 Hoài công ra sức nã tâm,
 Khắp nơi đồng áng, sơn lâm, ao hồ.
 Rồi cũng đành ngậy ngô trơ trọi,
 Biết nơi nào cậy hỏi mới manh;
 Suốt ngày chạy quần tìm quanh,
 Chi bằng quay lại nhà mình mới âu.

Tâm ở đâu thì Trâu ở đó,
 Mười hai giờ đều có bóng Trâu²;
 Thế là có mắt đi đâu,
 Tại ta không thấy con Trâu sờ sờ.
 Nhìn thẳng vào giấc mơ của ý,
 Ý là Trâu, thần quỷ khôn lường;
 Dệt thêu những bước đoạn trường,
 Tay chân tâm sở, tâm vương khắp cùng.
 Thấy biết mình thời không ai thấy,
 Thấy biết người ai nấy cũng lạnh;
 Chê đời đủ thứ lưu manh,
 Quên mình ti tiện, hôi tanh nặc nồng.
 Mắt thấy sắc, Trâu lòng nổi dậy,
 Tai nghe thính, ý dấy niệm tình;
 Móng tâm qua lại đủ hình,
 Nghe hơi Trâu cái, phóng mình nhảy ra.
 Khi gặp cảnh sa đà đi mãi,
 Rảo đó đây phá hại xóm làng;
 Nhiều ngày Trâu trở thành hoang,
 Mục đồng kiếm bắt gian nan nã sâu.

QUẢNG TẾ CHƠN NHƠN
 4/8 Quý Hợi (10-9-1983)

² Thập nhị xứ.

ĐỒ HÌNH SỐ 2



TÌM THẤY VẾT TRÂU

Đồ hai, nhớ: tìm Trâu theo dấu,
Thấy vết rồi cứ đó mà phăng;
Vũng lầy, Trâu dẫm Trâu lẩn,
Ruộng mùa Trâu xéo, Trâu ăn, Trâu quàng.

Đâu cũng có dấu chân Trâu cả,
Phá hại dân, toi tả rào vườn;
Mục đồng cảm kích đau thương,
Có ngày Trâu phải máu xương đền bù.

Cái nguy cơ lù lù ra đó,
Có nhận qua mới rõ ít nhiều;
Khi lòng thềm muốn, thích yêu,
Dở hay bắt chấp, mọi điều chẳng âu³.

KHAI THIÊN CHƠN NHƠN
5/8 Quý Hợi (11.9.1983)





Đồ thứ ba: gặp Trâu bên suối,
 Dầu nó chui vào bụi tre lau;
 Lộ hình thấy nửa phân sau,
 Lèm nhèm dơ bẩn, dầu đầu lòi đuôi.

Dầu kín mấy cũng lòi ra đợc,
 Lập mưu mô đủ chước võ về;
 Tìm phương thân thiện cận kề,
 Cỏ non tươi ngọt **nè nè** đây Trâu.

Làm đủ cách, quàng đầu, xỏ mũi,
 Lôi Trâu ra khỏi bụi um tùm;
 Tượng hình Trâu dữ như hùm,
 Xéo, gặm, đuôi, húc, nhảy chồm như điên.

Đó mới thấy tâm điên vọng thức,
 Nhưng còn nhiều ẩn khuất nan phân;
 Nghĩa, chưa thấy hết toàn thân,
 Thấy đây chỉ biết một phần khúc đuôi.

Rồi sẽ đợc phanh phui tim não,
 Mới tỏ tường khôn xảo của Trâu;
 Dầu cho tài trí đến đâu,
 Cũng là phân biệt đầy đầu Ngã Nhon.

Gặp Trâu mới thấy chơn, thấy giả,
 Thấy nhơn duyên, nghiệp quả ba đời;
 Đều do tâm thức nơi người,
 Gây nên chết sống, khóc cười, khổ đau

BẢO ĐỨC CHƠN NHƠN
 5/8 Quý Hợi (11.9.1983)





Đồ thứ tư: bắt Trâu xỏ theo,
 Nắm chặt dầm, lôi kéo đầu ra;
 Roi, thừng, giới luật đã tra,
 Phép mầu chế trị, lòng tà, tánh hung.

Trâu nhậy dựng, hành hung, quát tháo,
 Lòng lộng lên, huyền não chống kinh;
 Trăm roi cũng chẳng hề kinh,
 Trâu, người, một trận lôi đình tử sinh.

Dây thiếu roi, khó tranh phần thắng,
 Roi không dây, khó dựng thành công;
 Một mình tả đột hữu xông,
 Tay lôi, tay đánh, chạy Đông nhảy Đoài.

Giới luật có cả hai rất mạnh,
 Thừng, roi kèm thú tánh phải kiên;
 Khiến cho kẻ dữ nên hiền,
 Chế tâm, khử dục, kiên kiên thiết tha.

Trâu như thế, lòng ta cũng thế,
 Ráng hết mình kèm chế, răn đe;
 Bê tha đàng điếm, rượu chè,
 Nguyệt hoa phóng túng, bạn bè hư thân.

Trâu: tâm dục, tinh thần mù quáng,
 Mực: tâm bình, thanh sáng tỏ thông;
 Đôi bên tình ý bất đồng,
 Nội tâm tranh chấp, giặc lòng xảy ra.

Đã cho thấy đầu tà, đầu chánh,
 Chánh quyết tâm mới mạnh hơn tà;
 Tà trong giấc mộng Nam-kha,
 Chánh toan đánh thức lòng tà tỉnh mơ.

Khi chứng được tâm cơ bình đẳng,
 Ngay bây giờ chiến thắng giặc lòng;
 Thức tình lọc lóng sạch trong,
 Bô Đề thay tướng sừng lông mới là.

Cái động đây, lại qua, thấy, biết,
Là giả tâm sinh diệt vọng tà;
Thế gian chấp đó là Ta,
Mà nuôi giặc cướp trong nhà làm con.

Ta, Chơn Ngã vuông tròn muôn thuở,
Không động lay, rục rở thường hằng;
Không sinh diệt, không giảm tăng,
Vạn năng là cái thường hằng sinh ra.

Đó mới chính là Ta Lý-Tánh,
Vô sinh, sinh, sinh Thánh, sinh phàm;
Ngủ, nghe, thấy, biết, nói, làm,
Vô sinh thông nhiếp bao hàm hữu sinh.

Mượn cái thiện để bình cái ác,
Phá ác rồi liền đạt cái chân ;
Cái chân trong cái giả thân,
Chuyển thân thú tánh, chứng thân Bồ Đề.

Bây giờ con Trâu mê chịu phép,
Thói hung hăng đã dẹp khá nhiều ;
Công phu chế phục sơ điều,
Biết nghe, biết sợ, biết chịu, biết âu.

LY CẦU CHƠN NHƠN

5-6/8 Quý Hợi (11-12/09/1983)



ĐỒ HÌNH SỐ 5



CHĂN TRÂU

Đồ thứ năm: chăn Trâu dưỡng dục,
An trụ tâm, hàng phục kỳ tâm ;
Dàm, roi, tay vẫn giữ cầm,
Phòng khi đột biến ngấm ngầm xảy ra.

Trâu ngang qua ruộng nà lúa trổ,
Cũng quay đầu, trườn g cổ xốt bông ;

Nghe tấm Trâu cái bên đồng,
 Nghinh sừng nhảy dựng, muốn tông chạy càn.

Kéo lại trị tánh gàn thói bướng,
 Một đôi lần co cượng cũng kiên;
 Thấy Trâu đổi nét hòa hiền,
 Dẫn dâu đi đó, sợ kiêng, nghe lời.

Trâu ngoan ngoãn theo người, thui thủi,
 Lúc qua truông vượt suối không nài;
 Thời gian huấn luyện kỳ mài,
 Thân hình mềm dịu, mắt tai tinh tường.

Đã hiển lộ thuần lương nhu thuận,
 Giữa Trâu, Người mâu thuẫn tiêu tan;
 Đôi bên tâm trí khoan nhàn,
 Trở thành một mối tương quan đại đồng.

Mục dựa lưng gốc tòng thổi sáo,
 Trâu tự do chơi dạo uống ăn;
 Không cần kêu, kiếm, giữ, chẵn,
 Ăn no, tắm mát, tung tăng trở về.

Vui với cảnh đồng quê gió mát,
 Trở khúc tiêu, giọng hát thâm trầm;
 Gọi lên Trâu xúc động tâm,
 Lọt tai muôn điệu vang âm tĩnh lòng.

Chợt nhớ mình thần long biến hóa,
 Phút mê lầm chấp Ngã thành Trâu;
 Gây nên muôn thảm vạn sầu,
 Hướng tâm là Thánh, hồi đầu là Tiên.

Nghe giọng tiêu, Trâu liền giác ngộ,

Tánh thuần hòa bộc lộ ăn năn;
 Bây giờ Trâu với Người chẵn,
 Thương yêu nặng nghĩa kim bằng với nhau.

Quần quít tình, Trâu sau Mục trước,
 Trâu không rời xa bước Người chẵn;
 Mục đồng ngắm cảnh xem trăng,
 Tự do Trâu tự kiếm ăn, chơi bời.

Nhưng Trâu cũng không rời Mục tử,
 Mục cũng không cần giữ đến Trâu;
 Đôi bên ý hiệp tâm đầu,
 Tiếng tiêu vừa thổi thì Trâu chạy về.

Tâm với tâm nhứt tề bình đẳng,
 Cảnh với người còn chặng đường quanh;
 Chừng khi « **Tuyệt tượng vong hình** »,
 Đến khi Pháp, Ngã biến thành chơn không.

PHỔ THIỆN CHƠN NHƠN

7/8 Quý Hợi (13.9.1983)



ĐỒ HÌNH SỐ 6



CÔI TRÂU VỀ NHÀ

Đồ thứ sáu: Giới thông qua Định,
 Tâm định rồi dứt bịnh chấp Ta;
 Côi Trâu thông thả về nhà,
 Véo von giọng sáo, chiều tà thung dung.

Âm vang tỏa trùng trùng điệp khúc,
 Xé bầu trời đen đục tiêu tan;
 Trâu, Người tâm cảnh huy quang,
 An vui như chốn Thiên đàng bao la.

Tâm bắt tâm⁴ cái tà qui chánh,
 Tâm vô tâm hiển Thánh qui căn;
 Từ nơi nghĩ quấy tưởng xằng,
 Đến nơi quên sạch lãng xằng trong ngoài.

Từ dụng sức dây roi quất tháo,
 Lúc dùng thân thổi sáo điều tâm;
 Khi cân sắc tướng thanh âm,
 Đến khi vô tướng, vô tâm, vô hình.

Tâm vô tướng, thức tình tịch tịnh,
 Trâu quên Trâu, hiện tính Bồ Đề;
 Trâu, Người bình đẳng cận kề,
 Cận kề hay chẳng cận kề cũng quên.

Hai thì có hai bên phân biệt,
 Đến Một rồi hòa duyệt thái bình;
 Đây là Nhơn, Ngã cu-sinh,
 Tiêu diêu tự tại chí thành vô vi.

Nhờ Giới luật mới đi đến Đạo,
 Phật, Pháp, Tăng, Tam Giáo Thánh, Hiền;
 Từ bi quảng đại vô biên,
 Mới mong rửa sạch não phiền trái oan.

⁴ Mục kiếm Trâu

*Giới luật tròn, tiến sang thiên định,
Đặng nhỏ luôn gốc bịnh **Nhị-thừa**⁵;
Cu-sanh Ngã, Pháp không chừa⁶,
Thẳng vào Bắc Nhã Đại Thừa Không **Môn**.*

DIỆU QUAN & PHỔ ĐỨC CHƠN NHƠN

7/8 Quý Hợi (13.9.1983)



⁵ thình văn.

⁶ đốn tuyệt.

ĐỒ HÌNH SỐ 1



QUÊN TRAU CÒN NGƯỜI

*Tánh và mạng, Kiên Khôn hồn nhứt,
Thiên quán thâm định lực càng sâu;
Hòa tan trong khối nhiệm mâu,
Tiếp **đồ thứ bảy**, mất **Trâu** còn Người.*

*Ngưu **Mục**, cảnh vui tươi lặng lẽ,
Lòng **lâng lâng**, nhè nhẹ, không không;
Bao la thế giới đại đồng,
Quên tâm, quên cảnh, quên Đông, quên Đoài.*

Nhập vào cảnh không hai không khác,
 Ấy mới là tự giác, tự tri;
 “**Bản lai vô nhứt vật**”, thì
 Có gì là có, có gì là không.

Không với có, cũng không luôn nốt,
 Đó mới hay cùng tột nhiệm mầu;
 Phật tâm mê nhiễm là Trâu,
 Trâu tu làm Phật thì đâu lạ gì.

Tướng con Trâu biến đâu mất dạng,
 Hóa ra người sáng lạg như châu;
 Hòa chung thành một khối mầu,
 Gọi là tinh nhứt, mất Trâu còn Người.

Ôi ! vui sướng không lời tả được,
 Phước nào hơn bằng phước Niết Bàn;
 Không chi trói buộc là nhân,
 Chỉ còn cách một trùng quan vào nhà.

Tâm một tâm, chánh tà đâu nữa?
 Cảnh diệt rồi, tâm dựa đâu sanh?
 Bao la đúc một khối thành,
 Mục đồng ngồi trước chòi tranh tham thiền.

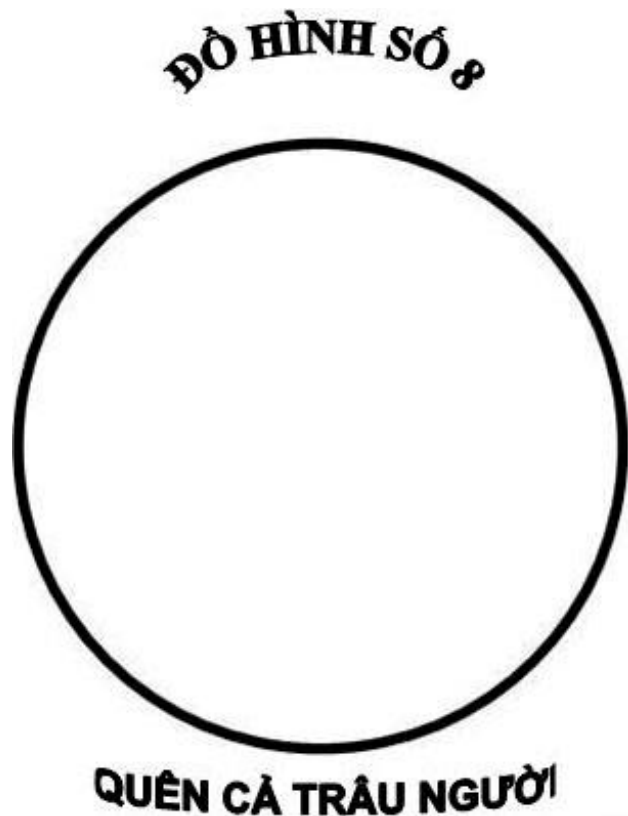
Tâm trải khắp Tam thiên thế giới,
 Đâu nhọc công lui tới như người;
 Thường hằng thường trụ khắp nơi,
 Mở con mắt huệ, đồng thời thẩm tri.

Nhập Tam-muội vô vi quán tưởng,
 Đặng chứng Tâm vô thượng Bồ Đề;
 Hễ là còn cảnh còn mê,
 Cảnh, Tâm, Ngã, Pháp nhứt tề hoàn không.

Đã đặng **Một** tròn xong tất cả,
 Phải diệt luôn cái Ngã câu-sanh;
 Thương đời Bồ Tát trọn lành,
 Vào đời độ tử, độ sanh cứu đời.

THÔNG HUYỀN ĐẠO NHƠN
 7/8 Quý Hợi (13-9-1983)





Đồ thứ tám: không lời để nói,
 Vòng trống không biết gọi là chi?
 Vô vi cứ để vô vi,
 Nín thinh càng hiểu, nghĩ suy càng làm.
 Cứ ngằm hiểu là Tâm trời đất,
 Nguyên lý chung vạn vật muôn loài;
 Trước thời vũ trụ chưa khai,
 Tâm chưa dấy niệm, Tam Tài chưa phân.
 Đó Phật gọi: **Pháp thân** hay **Đạo**,

Cực tinh vi, rốt ráo, hoàn toàn;
 Thiên đường, địa ngục, trần gian,
 Sự sự, vật vật đều mang hình Ngài⁷.
 Chất vô cơ đến loài hàm thức,
 Sắc, Không và Động, Thực, Phi, Tiềm;
 Lục Phàm, Tứ Thánh dựng nên,
 Tánh chơn ẩn hiện dưới, trên, trong, ngoài.
 Pháp giới đủ thiên sai vạn biệt,
 Nằm trong cơ biến diệt⁸ vô thường.
 Tánh chơn muôn thuở miên trường,
 Đạo không mâu thuẫn, ghét thương mê lầm.
 Mâu thuẫn là do tâm, do niệm,
 Mới sa vào lối hiểm đường mê.
 Mục đồng dẫn được Trâu về,
 Trâu tiêu nghiệp chướng, Bồ Đề hóa thân.
 Trâu không còn, đâu cần Mục nữa,
 Bệnh lành rồi, thuốc chữa cũng dư.
 Bốn phương giặc cướp đã trừ,
 Giải binh cộng hưởng an cư đại đồng.
 Mục nhập vào Chơn Không mất dạng,
 Phóng **Thân** quang biến mãn Tam Thiên.
 Hiệp cùng Đại Ngã vô biên,
 Rải gieo Hạo khí xuống miền trần gian.

DIỆU QUAN CHƠN NHƠN

8/8 Quý Hợi(14-9-1983)

⁷ Thượng Đế

⁸ diệt



Đồ thứ chín: Địa đàng thấy hiện,
Cảnh núi sông, trời biển bao la;
Ngàn hương muôn sắc đượm đà,
Cá đua dưới nước, chim ca trên cành.

Cảnh thái bình trắng thanh gió mát,
Vạn vật tình hòa lạc tương thân;
Tự do theo mỗi thành phần,
Không hề xáo trộn tinh thần, khả năng.

Sống vui hưởng công bình, đạo đức,
Tùy bản năng, tùy sức, tùy tài;
Không ai xâm phạm đến ai,
Cá bơi, thú chạy, chim bay tự mình.

Trời **Đ**ất đã hóa sinh đặt để,
Thì muôn loài cứ thế mà theo;
Không ai bắt chớ làm mè, mè,
Sự sự vật vật phải theo ý mình.

Đây giữa **Cảnh, Trí, Tình**, một khối,
Sống hồn nhiên tương hội tinh thần;
Vạn thù hiển hiện thiên chân,
Tất cả Thượng Đế hóa thân hình thành.

Phật là người, chúng sanh là Phật,
Phật đã thành và Phật sắp thành;
Thành khi nghiệp dữ hóa lành,
Mục, Ngư đắc quả vô sanh Bồ Đề.

BÁC NHÃ THIÊN SƯ
9/8 Quý Hợi (15.9.1983)



THUNG DUNG VÀO CHỢ

Đồ thứ mười: trở về độ chúng,
 Nơi cội nguồn sinh sống ngày qua;
 Mặc tình Bồ Tát xông pha,
 Lấy lòng thanh tịnh dung hòa cộng thông.

Vào thế tục mà không đắm tục,
 Hay chịu đời chẳng chút sợ đời;
 Tùy duyên, tùy cảnh, tùy thời,
 Từ bi phương tiện độ Người qui nguyên.

Lòng Bồ Tát không thiên, không trệ,
 Không trước tâm, câu nệ, chấp trừ;
 Vô vi, vô lự, vô tư,
 Bản lai đầy đủ, như như sáng ngời.

Nguyện đem Đạo vào Đời, khuyến giáo,
Nguyện đem Đời về Đạo, mới nghe;
 Nguyện căn trong đám rượu chè,
 Lợi, danh, tài, sắc, lấp che nguơn thần.

Bồ Tát nguyện dán thân vào đó,
 Gây cảm tình với họ cho thâm;
 Trở thành tri kỷ, tri âm,
 Mới hay sửa cải lỗi lầm người ta.

Muốn chúng sanh cải tà qui chánh,
 Làm chúng sanh theo hạnh từng loài;
 Ngày ngày rỉ rả bên tai,
 Nên hư, lợi hại, bảo bày can khuyến.

Để đánh thức lòng thiên giác ngộ,
 Mới là cơ phổ độ rộng bày;
 Tùy người, sử dụng ân, oai,
 Thuốc cho nhằm bệnh, bệnh ai cũng lành.

Người Bồ **T**át khéo hành phương tiện,
 Mới tròn xong bản nguyện từ bi;
 Tai nghe, mắt thấy hại gì,
 Trong thân có đủ, giống y như ngoài.

*Trong thấy thiếu mới đòi cho đủ,
 Trong như ngoài có dụ nữa đâu;
 Trong ngoài một thứ như nhau,
 Vàng vàng bạc bạc thau thau đồng đồng.*

*Nên Bồ Tát lòng không đắm nhiễm,
 Không mong cầu, đoạt chiếm của ai;
 Thấy toàn là Phật đủ loài,
 Trăm ban vạn sự Như Lai rõ ràng.*

*Phật trong chợ, ngoài đàng, khắp chỗ,
 Những gió trắng, hoa cỏ, núi rừng ;
 Lại, đi, nín, nói, gánh, bưng,
 Chung trong cái thế cộng đồng tương quan.*

*Bình thường tâm của hàng Bồ Tát,
 Không mảy may làm lạc nơi lòng ;
 Trong vòng huyễn hóa sắc không,
 Có chi đáng phải cầu mong đâu là.*

*Đều là ảo ảnh không hoa,
 Chúng sanh mê chấp hóa ra não phiền.⁹*

BÁC NHÃ THIÊN SƯ¹⁰
10/8 Quý Hợi (16-9-1983)

⁹ Thập Mục Ngưu Đồ đến đồ mười, Bác Nhã Thiên Sư không muốn nói rõ chỗ Bồ tát hòa quang đồng trần, sợ đạo hữu không thấu chứng mà gây sự quấy . . . Đồ này rất quan hệ, Bồ Tát muốn độ thế gian thì hành động như người thế tục, nhưng lòng không nhiễm. (Quan Âm Bồ Tát)

¹⁰ Bản Tăng (BNTS) thấy còn thiếu sót, vì gò bó ở văn cú, không lột được ý nghĩa; và cũng do bên ngoài, đồng tử thiếu thanh tịnh.(BNTS 16-9-1983)

Phước Châu Đại An hỏi Pháp với Bách Trượng Thiền Sư :

Phước Châu Đại An hỏi :

- *Tôi khao khát hiểu pháp Phật, đó như cái gì ?*

Bách Trượng đáp :

- Hệt như cỡi Trâu tìm Trâu.

- Hỏi : *Hiểu rồi thì như thế nào?*

- Đáp : Như người cỡi Trâu về nhà.

- Hỏi : Rồi làm sao giữ cho trước sau khế hợp ?

- Đáp : Như người chăn Trâu cầm roi giữ Trâu mình đừng phạm đến lúa mạ của người.

GIẢI NGHĨA
THẬP NGƯU ĐỒ
VẼ TRÊN VÁCH CHÙA



Bài giảng của Ngài **Minh Thiện**
nhân ngày **MINH LÝ ĐẠO KHAI**
26-11-Kỷ Dậu (04-01-70)



MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Hôm nay tôi đem “Thập Ngưu Đồ” ra giải thích, để cho các đạo hữu đăng rõ biết đại khái phương pháp tu hành và thứ tự công phu của Đạo Minh Lý. Họa đồ này tôi đã cho vẽ trên vách tường Chánh điện. Dầu người trong Đạo hay người ngoài Đạo, ai đến cúng Chùa cũng đều có thể để ý tới được. Đó là một cách nhắc nhở như là người trong Đạo hằng ngày hằng tháng đến Chùa lễ bái Trời Phật, thường thấy trước mắt hình vẽ, là nhớ đến mục đích và tông chỉ của Đạo mình.

Vậy thì ai ai cũng nên tìm hiểu Thập Ngưu đồ, cũng gọi là Mục Ngưu đồ hay Thập Mục Ngưu đồ, để theo đó mà tu hành, sau nữa là giảng giải cho kẻ khác đăng hiểu như mình, để dìu dắt nhau trên con đường giải thoát.

HỌA ĐỒ NÀY TỰ ĐÀU MÀ CÓ?

Có người (ông Hội Nguon?) đưa ra tên Quách Am Thiên Sư, là người trong giáo pháp của Tịnh Thiên sư, đời Đại Tùy, cho ông là người vẽ họa đồ này. Lại nói ông vừa vẽ họa đồ, vừa viết bài tụng (bài giải nghĩa các họa đồ nói đây).

Nhưng trong sách “Tứ bộ lục”,... v.v... có ghi mười họa đồ nói là của Thanh Cư Thiên sư (nhưng truyện nói không đăng rõ ràng).

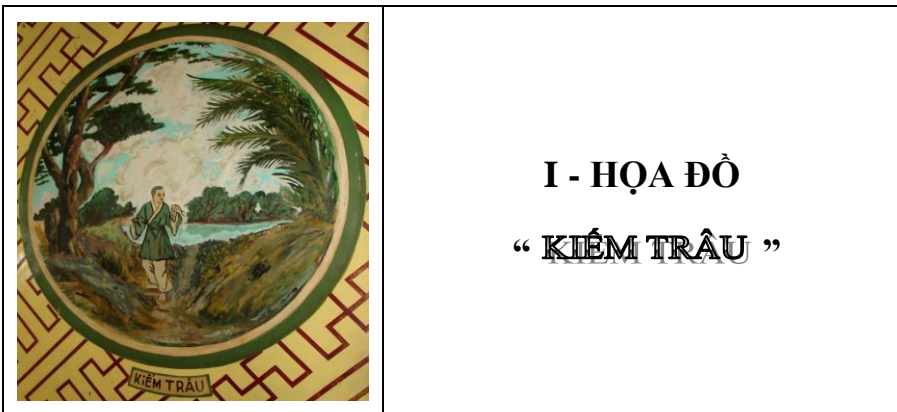
Hoặc có kẻ nói: Mười họa đồ của Thanh Cư Thiên sư không giống với họa đồ bây giờ. Hình thức màu mè của con Trâu tợ như có thứ tự và tiến bộ hơn.

Hoặc có kẻ nói Quách Am Thiên Sư đổi sửa các họa đồ đó mà truyền ra tới ngày nay. Nếu lấy sự chần trầu mà tỉ thí tâm sự và việc tu luyện, thiệt cũng có lý do.

Lại Chư Tổ ở trong Thiên tông, có đề xướng Thủy Cổ Ngưu (con trâu cổ) làm công án (chỉ một việc hữu hình, dễ hiểu, để cho người ta suy xét đến chỗ vô hình, khó biết). Cũng có vẽ mười họa đồ, mà thứ tự có khác với mười họa đồ nói trước.

Mười bức Ngưu đồ của Đạo Minh Lý là vẽ theo thứ tự của họa đồ Thiên Tông, nhưng hình thức và nghĩa lý không phải hoàn toàn giống hết. Về nghĩa lý, tôi căn cứ theo Tứ Liệu Giản, nghĩa là bốn phép trị tâm bệnh của phái Thiên Lâm Tế (Rinzai) mà giảng giải.

Vậy tôi xin giải từng bức họa đồ như sau này.
Trước khi giải cái họa đồ nào, tôi sẽ cho chiếu bóng cái họa đồ đó trước mặt, để các đạo hữu nhìn trong họa đồ mà tìm hiểu lời tôi giảng giải.



I - HỌA ĐỒ

“ KIỂM TRÂU ”

Đây là bức họa đồ thứ nhất, chủ về sự phát tâm bồ đề. Tâm bồ đề nghĩa là: tâm giác ngộ, tâm sáng suốt. Ý nói: có người xưa nay không biết gì đến đạo đức, một bữa kia đến chùa lạy Phật và nghe giảng kinh, thành linh người phát tâm tỉnh ngộ, trong lòng khát khao đạo lý, mà vì còn mới quá, nên có biết tu là phải tu làm sao đâu?

Theo đạo Minh Lý, tu là phải tìm biết cái Lý Tánh, rồi noi theo cái Lý Tánh đó mà ăn ở đời, mà tu hành. Cái Lý Tánh đó, cũng gọi là Chơn Tánh. Hãy coi cuốn Bồ Cáo của Đạo Minh Lý, có ghi một thơ tứ cú “*Đạo Minh Lý giải*” như sau này:

Đạo là căn bổ, khá tâm mờ,
Minh mãi lương tâm cạn xét dò.
Lý ấy tánh chơn vô nhị thị,
Giải phân họa phước chẳng so đo.

Trong bài này có nói: “*tánh chơn vô nhị thị*” nghĩa là: Cái tánh chơn hay là các chơn tánh, chỉ có một lẽ phải đó mà thôi, chớ không có một lẽ phải thứ hai nữa, tức là tánh tuyệt đối, cao thượng vô cùng, không có chi cao hơn nữa. Đây mượn con trâu để chỉ cái chơn tánh của ta đó. Con người đi kiếm con trâu tức là ta vậy.

Cái tánh này là tánh tuyệt đối. Nho giáo gọi là **Thiên tánh**, là **Thiên mạng**, là **Thiên lương**, là **Lương tri**, là **Tánh lý**. Còn Phật giáo gọi là **Phật tánh**, là **Chơn như**, là **Như Lai tạng**, là **Chơn tâm**, là **Lý Tánh**, v.v . . .

- Hỏi: Vậy cái Chơn Tánh của ta đi đâu mất mà phải đi kiếm nó? Ai làm cho nó mất? Nó đi đâu mà nói rằng đi mất ?

- Đáp: Không, cái Chơn Tánh của ta có mất đi đâu ! Nó là sự sống của thân thể ta, là cái hồn khôn trong trí ta, là cốt cán, là rường cột của tánh ta. Nó mất thì chắc chắn là ta không còn rồi.

- Hỏi: Nhưng tại sao mà nói nó mất, mà phải đi kiếm?

- Đáp: Đó là một cách nói hùng hồn, nhấn mạnh cho ta để hết ý trí vào đó, cho ta biết đó là một cái chơn lý

tôi cao, trong Trời Đất này không có chi cao quý hơn nữa.

Đức Phật Thích Ca khi mới sinh ra, vừa lọt lòng mẹ, đã tuyên bố cái chơn lý ấy, mà Ngài gọi là Ngã (tôi), tức là Chơn ngã, cho mọi người rõ biết đó là căn bản, là nền tảng của Đạo Ngài. Câu nói ấy như thế này:

“*Thiên thượng thiên hạ, duy Ngã độc tôn*”

Nghĩa là: Trên trời dưới đất, duy Ngã là lớn hơn hết.

Cái tánh ấy có trước trời đất, hằng cửu, vĩnh viễn, bất sanh bất diệt, trời đất có lúc hoại, chớ cái tánh đó đời đời còn mãi.

- Như thế tại sao nói cái Chơn Tánh đi đâu mất ?

- Nó không bao giờ mất được. Nhưng chính ta không tin nó và toan mưu này kế nọ để phỉnh nó, không nhìn quyền hành của nó, lâu ngày bỏ quên nó đi nên không còn biết tới nó nữa, bởi có đó nên nói nó đi mất.

Một mặt khác, các giác quan của ta bị mê theo hồng trần, nào là tửu sắc tài khí, nào là lợi danh ân ái, càng ngày càng dẫn dắt đi xa cửa nhà, đến nỗi nó không còn biết đường lối trở về. Cửa nhà ta ở đâu ? Là Chơn Tánh đó.

Phật Tiên thấy vậy mới bày phương này kế nọ, để kêu tỉnh chúng sanh, mau lo quay đầu trở lại, nên mới có nhiều tông giáo ra đời, chèo thuyền tế độ chúng sanh, đưa

lên bờ giác ngộ, đồng nhờ Tiên Phật diu dắt về cõi Niết Bàn, Cực lạc.

Tôi xin nhấn mạnh ở hai chữ **“Kiếm Trâu”**. Đừng nghe nói kiếm trâu mà tưởng đâu nó ở ngoài thân thể mình, rồi đi xứ này xứ nọ, lên núi lên rừng mà kiếm nó. Rất sai ! Cũng đừng tưởng rằng cái Chơn Tánh của ta là lý trí, là trí phàm của mình hiện đương dùng nó để hiểu biết, học hỏi việc này việc nọ ở xung quanh ta đó.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật bảo ông A-Nan rằng: *“Tất cả chúng sanh từ kiếp vô thủy đến nay, trong lòng điên đảo nhiều bề, tự nhiên gây ra các thứ nghiệp như chùm trái ác xoa. Vì đó mà người tu hành không thể thành đạo Bồ Đề, chỉ thành bực La Hán, hay là theo ngoại đạo thì thành Ma vương với quyền thuộc của nó. Đó là bởi mình chẳng biết hai thứ căn bản, tu hành loạn sai. Chẳng khác nào chưng sắn nấu cát mà muốn thành món ăn mỹ vị, thì dầu trải qua muôn ngàn kiếp như tí bụi, rốt cuộc cũng không thành gì được cả.*

“A-Nan ! Sao gọi là hai thứ căn bản ? Một là sanh tử căn bản, hai là căn bản Niết Bàn.

“Sanh tử căn bản tức là cái tâm thức chuyển niếu (phan duyên) mà người và chúng sanh hiện giờ nhận làm tánh mình đó. Còn căn bản Niết Bàn vốn là cái thể thanh tịnh, tức là tánh Ngươn minh (hay là Chơn Tánh) ở trong tâm thức (nói trên) của người ngày nay, hay sanh ra các vọng tưởng phan duyên.

“Rồi chúng sanh chỉ theo các vọng tưởng phan

duyên đó, mà quên cái thể Ngươn minh (chỉ con trâu trong Thập Ngưu đồ). Cho nên tuy là hằng ngày cử động luôn, mà lòng chẳng tự giác, vào ra các nẻo sanh tử, thiệt là đáng tiếc !

“Phật hỏi A-Nan: Ngươi lấy cái chi làm tâm ?

“A-Nan: Bạch Thế Tôn ! Thế Tôn bây giờ hỏi cái tâm ở đâu ? Tôi suy nghĩ, xét tìm khắp chỗ, thì tôi nhận cái hay suy nghĩ đó là tâm của tôi chớ gì !

“Phật bèn quở rằng: Ôi ! A-Nan ! Cái đó không phải là tâm của ngươi đâu ?

“Ông A-Nan giựt mình, bỏ chỗ ngồi đứng dậy, bước ra trước mặt Phật mà bạch với Phật rằng: Như cái đó chẳng phải là tâm của tôi, vậy nên kêu là tên gì ?

“A-Nan ! Chánh tên của nó là “Cái tư tưởng do tướng giả của sáu trần mà khởi”, hay làm mê hoặc Chơn Tánh của ngươi. Bởi từ kiếp vô thủy đến nay, người nhận lầm kẻ giặc cướp làm con (nuôi nó trong nhà) mà bỏ mất tánh Ngươn minh Chơn thường, nên phải chịu mãi mãi luân hồi sanh tử.

“Bạch Thế Tôn ! Vì Phật đã thương tôi là em, lòng tôi mến Phật, nên tôi mới xuất gia đi tu. Tâm tôi chẳng những cúng dường Phật tại đây mà thôi, còn làm nhiều việc khác như phục sự các đức Phật và các bậc thiện tri thức ở khắp hằng hà sa số quốc độ, cho đến lập chí rất đông mãnh, làm các việc Phật pháp khó bề làm được, thì tôi cũng đều dùng cái tâm đó luôn.

“Giả sử tôi có chế nhạo Phật pháp đời đời phải

tiêu mất căn lành, thì cũng không phải chi khác hơn là cái tâm đó. Vậy thì tôi làm lành hay làm dữ, cũng đều do một cái tâm đó mà thôi.

“Nay Phật mới chỉ ra cho tôi biết đó chẳng phải là tâm, đồng như cây, như đất hay sao ? Ngoài ra cái tâm hay biết đó, thì tôi còn chi hay biết nữa đâu?

“Tại sao mà Phật lại nói: Đó là không phải tâm ? Thiệt tôi quá sợ hãi và hết thầy đại chúng, ai ai cũng đều ngờ vực. Xin Phật mở lòng từ bi dạy bảo kẻ chưa rõ hiểu.

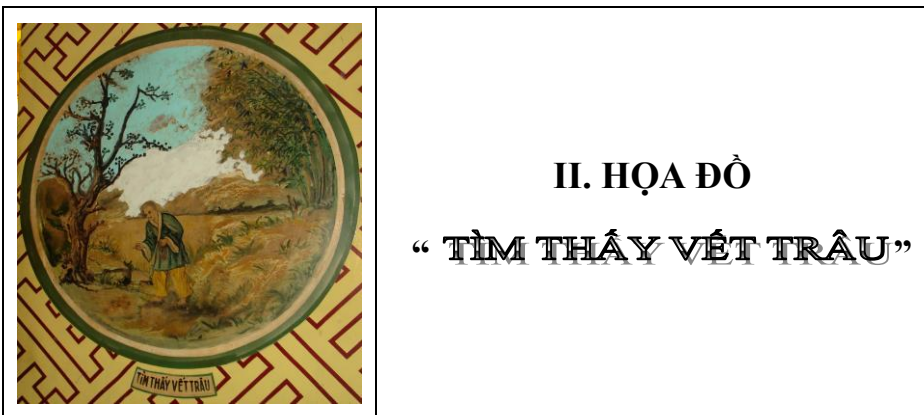
“Khi ấy, Phật dạy ông A-Nan và đại chúng, chủ ý dẫn dắt cái tâm mỗi người chứng Pháp vô sanh (không còn sanh diệt chết sống)”.

(Thỉnh coi khoảng “**Thập thiên hiển tánh**” nghĩa là: mười lần chỉ Chơn Tánh, trong Kinh Lăng Nghiêm, mà tôi có dịch ra Việt ngữ và ghi trong cuốn “**Phật giáo tâm lý**” của Đạo Minh Lý xuất bản năm 1960. Trong khuôn khổ bài giảng hôm nay, tôi không thể đem ra giảng giải đủ hết được).

Thật sự, trâu ấy ở trong tâm ta, nó có đi đâu mà gọi là mất, rồi phải bận lòng mà đi kiếm nó. Nó chỉ bị ẩn khuất, che đậy mà thôi, bởi nhiều lớp phiền não, vô minh. Nay ta tu thì phải quày về Chánh pháp, dẹp hết trần lao, thì Chơn tánh của ta sẽ hiện bày sáng tỏ đầy đủ, cũng như Tánh của Tiên Phật vậy. Tỉ như cái gương bị bụi lấp lu mờ nhiều ngày, nay đem nó ra mà lau chùi, rửa hết bụi nhơ, thì gương ấy sẽ chiếu soi tỏ rạng như xưa.

Công phu tu hành theo Đạo Minh Lý là phải tìm

thấy cái Chơn Tánh của mình trước hết, tức là Minh Lý Tánh, nói tắt là Minh Lý. Người trong hình vẽ đang kiểm trâu, mà mặt mày ngơ ngác, không biết con trâu ở đâu. Đây là giai đoạn thứ nhứt (la recherche du buffle.)



II. HỌA ĐỒ

“ TÌM THẤY VẾT TRÂU ”

Trên nói tìm trâu tức là tìm Chơn Tánh. Nhưng Chơn Tánh thuở ban sơ thì sáng suốt, mà từ khi nhập vào thai phàm, xác thịt thì dường như nó bị nhốt trong khám tối, chịu nhiều ảnh hưởng xấu xa. Nó bị khí chất, bị tình dục ám khuất, bị hoàn cảnh xã hội, bị tập quán lôi cuốn, nên tâm thần mất ánh sáng, thành ra mê mờ. Cho nên không gọi nó là Chơn Tánh nữa, mà gọi là vọng tâm, tức là cái tâm tưởng niệm sai lầm. Vì có đó mà nó phải lạc bước vào con đường sanh sanh tử tử, kiếp này qua kiếp nọ, không biết chừng nào ra khỏi vòng luân chuyển đó được.

Nhưng cái vọng tâm nói đây chẳng phải là luôn luôn mờ mịt, không biết gì hết. Nó có lúc tỉnh, có lúc mê. Khi tỉnh, nó xem kinh xem sách, hoặc nó đến Chùa, nghe giảng Kinh thuyết Pháp, mới biết rằng mình cũng có một cái Lý Tánh, gọi là Phật tánh hay là Thiên Tánh. Cái Lý Tánh ấy bình đẳng với Lý Tánh của Tiên Phật, và mọi người cũng có cái Lý Tánh đó giống như nhau.

Tuy biết như vậy, mà hiện thời ta còn đương ở dưới quyền của vọng tâm, nó kèm hãm con người chặt chẽ, nghiêm khắc, khó mà tìm thấy được cái Chơn Tánh đó. Chúng ta ban đầu nghe chư Tiên chư Phật, các thiện tri thức dạy bảo như vậy thôi, chớ chưa thấy biết được con Trâu là gì, nên gọi là mới “*tìm thấy vết trâu*”.

Trong kinh Đạo Đức, Đức Thái Thượng có nói: “*Tri nhơn giả trí, tự tri giả minh*”. Nghĩa là: Biết người (ở ngoài) gọi là trí, còn mình tự biết mình (ở trong) gọi là minh. Đủ rõ chữ minh chủ về nội tâm, chớ không biết các việc ngoài thân thể ta.

Cho nên Trời Phật ban cho chúng ta cái hiệu đạo Minh Lý là muốn cho chúng ta ngó vào nội tâm của mình mà tu. Đó là nghĩa chữ **MINH**. Còn theo bài “**Lục Túc**” của nhà Phật, điều thứ nhứt là: “**Lý tức Phật**”. Ý nói: *chữ Lý tức là Phật tánh, mà Phật tánh tại triền, nghĩa là Phật tánh ở trong vòng bó buộc, chớ chưa phải đặng giải thoát, tức là cái vọng tâm như trên đã nói.*

Vậy Minh Lý có nghĩa là: **Tìm biết Lý Tánh hay là Phật Tánh bên trong**. Các đạo hữu có người đã rõ cái

nghĩa đó rồi chớ, vì tôi có lập đi lập lại như thế nhiều lần rồi. Nhưng nghĩa đó là nghĩa tối sơ, Minh Lý còn nhiều nghĩa sâu sắc hơn nữa. Trên có nói Lục Túc, vậy Lục Túc là nghĩa gì ?

Lục Túc nghĩa là sáu điều có chữ Túc như sau này:

1. **Lý Túc Phật:** nghĩa là chữ Lý (là lẽ phải) ở trong mình người gọi là Phật tánh còn đương bị ràng buộc. Tu thì trước hết phải tìm biết cái Phật tánh ở trong vọng tâm, để mà cởi mở cho nó.

2. **Danh tự Túc Phật:** nghĩa là Danh tự (là tên chữ) của đạo Bồ Đề, ta lần lần hiểu biết, rồi phải tìm trong kinh sách, dùng hết sức tri thức của mình, để rõ thấu nghĩa danh từ đó.

3. **Quán hạnh Túc Phật:** nghĩa là: chẳng những hiểu rõ danh tự, lại tiến lên một bậc nữa, là y lời dạy mà tu hạnh, tâm quán minh liễu (rõ ràng), lý và huệ tương ưng (ăn nhịp cùng nhau), việc làm như lời nói, lời nói như việc làm.

4. **Tương tự Túc Phật:** Tương tự nghĩa là gần giống như Phật. Đây là công phu quán hạnh, phát ra chơn vô lậu tựa như của Phật, nhưng mới đặng một phần nhỏ nhứt mà thôi, cũng gọi là ngôi: lục căn thanh tịnh.

5. **Phân chứng Túc Phật:** Dựa vào sức quán của ngôi tương tự mà phát chơn tri mới là đoạn được một phần vô minh, để thấy được Phật tánh, khai bửu tạng, hiển Chơn như, rồi lần lần tới ngôi Đẳng giác.

6. **Cứu cánh Túc Phật:** Tới đây phát giác trí viên

mãn đến bậc cứu cánh, tức là Diệu giác, tức là thành quả Phật.

“Lục” (sáu) có nghĩa là thứ tự trước sau có sâu cạn. Tuy do Trí (ngộ), Tình (mê) có cạn sâu, phân ra sáu điều có khác nhau, nhưng cái thể tánh của các ngôi đó không phải hai, là nghĩa của chữ “Túc” vậy.

Hiệu Minh Lý cũng có nghĩa tương tự như thế. Chữ Minh có nhiều bậc, mà chữ Lý tức là Lý Tánh, vẫn có một không hai. Ở bậc sau rốt, Minh Lý có nghĩa là: *Làm cho sáng tỏ, thiết hiện cái Lý Tánh, cái chơn tâm, theo Phật giáo chứng quả cứu cánh tức là Minh Tâm Kiến Tánh.*

Ở họa đồ này tìm thấy “*Tìm thấy vết Trâu*”, là mới bắt đầu nhập môn Minh Lý để nghe Tiên Phật dạy bảo mà thôi. Sau này còn phải trải qua nhiều tầng công phu khác nữa, lần lần đến hết trọn nghĩa của hai chữ Minh Lý, là chứng quả vị cứu cánh nói trên.

Đây là giai đoạn thứ nhì, con người trong hình vẽ tìm thấy và chỉ vết chun trâu ở gần gốc cây, đã bắt đầu nhận thức có con trâu đi ngang qua chỗ này rồi. Biết chắc có con trâu là biết mình có Chơn tâm, mà nó đi ngã nào? ở đâu ? (*L’homme aperçoit les traces du buffle qui est perdu ou plutôt qui est oublié.*)





Người tìm Trâu đã gặp được Trâu. Đây ám chỉ người học đạo đã thấy được tâm mình, nhưng chưa phải thấy hết trọn thân thể con Trâu, chỉ thấy được khúc đuôi mà thôi.

Tới đây, tôi xin nhấn mạnh chỗ này, ước mong chư quý đạo hữu để ý đến.

Mỗi khi tôi nói đến chữ Vọng Tâm trong các họa đồ đầu, là có ý chỉ cái Lý tánh ở trong vòng ràng buộc, nghĩa là còn mắc kẹt trong tình dục, trong tập quán, trong khí chất, chớ chưa đăng thanh tịnh, giải thoát. Chữ Vọng có nghĩa là dối giả, là sai lầm. Mà dối giả, sai lầm nghĩa là không đúng với sự thật, đúng với Chơn lý; hay nói một cách là: thiếu Chơn lý, hoặc hoàn toàn mất hết Chơn lý.

Vọng Tâm và Lý Tánh chỉ có một thể, một tâm mà thôi, không phải riêng biệt hẳn là hai vật. Nhưng khi cái thể, cái tâm này hành động thiếu Chơn lý thì gọi là Vọng tâm. Còn lúc nó hành động đúng với Chơn lý, thì gọi là Lý Tánh. Cho nên tu học cho cái Vọng Tâm thiếu sót kia đăng theo đúng lý, thì Vọng tâm tức là Lý Tánh. Lý Tánh mà còn mắc kẹt trong tình dục, trong khí bầm, ... v.v... thì gọi là Vọng tâm.

Cho nên trong các họa đồ này, lúc ban sơ con trâu tượng trưng cho Vọng tâm, đến sau rốt nó cũng được tượng trưng cho Lý Tánh. Xin chư đạo hữu chớ lấy làm lạ, sao tôi khi thì tôi nói nó có tánh xấu, lúc lại nói nó có tánh tốt. Tôi xin tỉ dụ nó như một cái bàn: khi đóng bụi thì gọi là bàn dơ, khi lau chùi bóng láng thì gọi là bàn sạch. Dơ, sạch tuy có hai mặt khác nhau, mà bàn cũng là bàn, chỉ có một không hai, không bao giờ thay đổi. Nên con trâu khi tượng trưng Vọng tâm, khi tượng trưng Lý Tánh, thì cũng như thế đó. Tuy là hai mặt: có Vọng tâm, có Lý Tánh, mà trâu vẫn là trâu, cũng như nói trên: bàn vẫn là bàn.

Trong họa đồ này, người hình vẽ chỉ thấy được khúc đuôi con trâu, là có ý nói: còn thiếu sót, chưa thấy trọn đủ Chơn lý.

- Ta thấy nó ở đâu?

- Ta thấy đầu nó chun ở trong rừng rậm, là biết ý nó muốn nghỉ ngơi chỗ thanh vắng, mát mẻ. Cũng có khi ta thấy nó nằm ở vũng bùn trong ruộng, hoặc thấy nó lội ngang sông, hoặc thấy nó dẫm lên ruộng mới cấy, hoặc

thấy nó ăn phá lúa gần chín, v.v... Xem việc làm của nó mà ta có thể đoán được ý nó.

Lấy con trâu làm ví dụ cái Tâm. Con trâu là con vật hữu hình, ta dễ thấy, dễ biết. Còn cái Tâm là vật vô hình, rất khó thấy, khó biết.

Nhưng chẳng phải là không thể biết nó được. Ta dựa theo ví dụ con trâu nói trên, ta cũng có thể hiểu được phần nào. Như tâm ta ưa thích cái gì, ta tìm đến đó, xét vật đó, thì nhận được nó ở ngay tại chỗ đó.

Theo Phật giáo, có thuyết “*Thập bát giới*”, nghĩa là 18 cõi như sau:

Lục Căn, nghĩa là sáu thứ căn, tức là: *nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý*.

Lục Trần nghĩa là sáu thứ cảnh, tức là: *sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp*.

Lục Thức, nghĩa là sáu thứ biết, tức là: mắt thấy biết sắc, tai nghe biết tiếng, mũi cảm biết mùi, miệng cảm biết vị, tay chơn cảm biết xúc động, ý hiểu biết pháp (mọi sự mọi việc).

Ý nói: Căn con mắt, gặp sắc cảnh, thì nó thấy được, nó biết được; căn lỗ tai, gặp thính âm, thì nó nghe được, biết được; v.v... Nghĩa là: Căn gặp trần thì sanh biết, tức là cái thức, mà tức là tâm thức. Tuy có nhiều căn, nhiều trần, mà nhận thức bắt đầu ở căn nào, trần nào, đều là tâm cả, nên có tên là tâm thức.

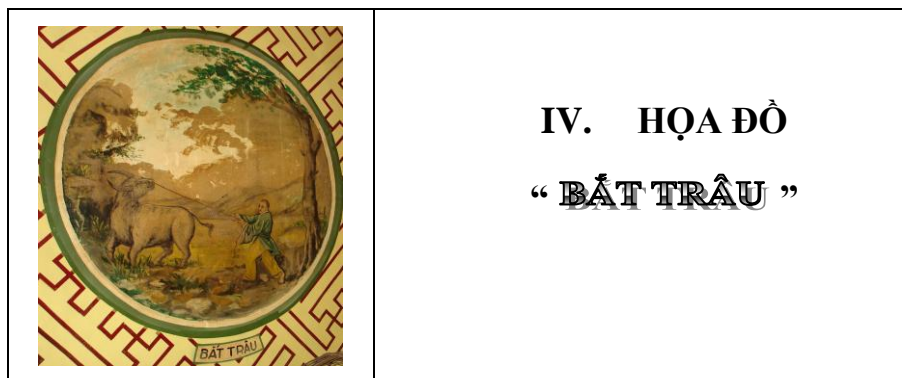
“*Thức*” có nghĩa là: phân biệt. Tâm thức chỉ phân biệt bề ngoài, chứ không rõ được bên trong, không xét thấu đến bản thể, nên sự biết của nó còn cạn cợt, chỉ có một phần nhỏ. Vì có đó trong hình vẽ, người chỉ thấy có một phần con trâu mà thôi, chứ không thấy trọn cả thân thể con trâu.

Cái tâm thức này còn chịu ảnh hưởng nặng nề của vật chất. Đến nỗi nó tưởng chi chi cũng là do vật chất sanh ra, vật chất làm chủ. Nó cho rằng sự con mắt thấy, lỗ tai nghe, cái óc suy nghĩ, v.v... là do các cơ quan xác thịt đó nghe, thấy, suy nghĩ, chứ không biết rằng ngoài vật chất ra có một phần tinh thần là tâm thức điều khiển, đó là hạng người duy vật.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật có dạy: “*Cũng như con mắt là cửa mở cho thông thương để thấy sắc, chứ chẳng phải tự nó thấy sắc. Như vậy, chủ sự thấy là tâm, chứ đâu phải là mắt!*”

Vậy ở giai đoạn thứ ba, ta mới bắt đầu nhận thức, ngoài vật chất còn có tinh thần là tâm thức. Nhưng chỉ biết thế thôi, chứ chưa rõ trạng thái của tâm thức ra làm sao? (*L’homme aperçoit une partie du buffle. Il a enfin découvert l’origine des choses: ce n’est pas le corps, mais l’esprit.*)





IV. HỌA ĐỒ “ BẮT TRÂU ”

Ba giai đoạn đầu là: Kiếm Trâu, Tìm thấy vết Trâu, Gặp Trâu, các đạo hữu nghe tôi nói thì tưởng đâu là dễ làm được, không phải phí mất bao nhiêu ngày giờ. Nhưng có những người hành đạo lục đục ở trong đó hoài, đứng chững cả mấy chục năm, có khi suốt một đời người mà không sao tiến lên con đường giải thoát được. Đó là vì ba duyên có chánh: một là không gặp sớm các bậc thiện tri thức, hai là bị hoàn cảnh gia đình, bị cuộc sanh nhai ràng buộc, ba là tự mình ít nỗ lực, cố gắng.

Muốn học đạo cao thì phải tu bồi âm chất cho nhiều, thì mới giải thoát được hai điều nói trước. Còn về điều thứ ba, thì tự mình phải lập chí đồng mãnh, cố gắng học hỏi, rèn tâm tu đức, tự cường không lúc nào ngớt.

Tới giai đoạn thứ tư lại càng khó khăn bội phần, là khúc quanh gấp rút, nguy hiểm vô cùng. Đây là một trận giặc giữa Vọng Tâm và Lý Tánh, giữa lòng tham dục và lương tâm. Kinh Thơ có nói: “*Nhơn tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi*” nghĩa là: lòng Vọng Tâm rất mạnh, còn Lý Tánh, lương tâm hãy còn yếu ớt, nhỏ nhít. Dù thấy không

phải dễ dãi gì mà yếu thắng mạnh nổi, phải hy sinh tất cả, một mất một còn với kẻ địch, mới mong đặng giải thoát.

Trong hình vẽ, kẻ kiếm trâu đã bao phen cực nhọc, phí nhiều năm tháng, mới là xỏ được mũi con trâu mà dẫn nó đi. Nhưng vì lẽ cuộc đời xúc cảm dễ dàng, ngoại cảnh ghẹo trâu kích thích, với bao nhiêu sự khoái lạc, ngọt bùi, làm cho người chóa mắt, mê hồn. Cho nên trong hình vẽ, ta thấy người bắt trâu muốn lôi kéo nó về một hướng, mà con trâu nghịch ngợm lại muốn đi về một ngã khác.

Nó muốn đặng tự do, mà ta lại xỏ dầm nó. Nó thích ăn lúa trong ruộng của người ta mà lại ngăn cản nó. Nó ham cảnh bụi bờ có bóng mát có khí thanh, mà ta lại đóng cửa chuồng bỏ rọ để nhốt nó. Ôi ! Biết bao nhiêu là sự thèm thường, ham muốn, mà xưa kia nó đã nghênh ngang, quen thói, ngày nay dễ dãi chi mà ta biểu nó bỏ hết mà theo mình.

Có dây dầm kiếm cho nó, có roi vọt thúc đẩy nó, mà nó còn nhảy dựng lên, chống chỏi hết mình, hết sức, rồi nó mới chịu theo. Cái Vọng Tâm của ta cũng như thế đó. Hễ muốn tu thì cũng cần phải có luật lệ, qui giới, để trợ ý chí mình, vì một mình ý chí hãy còn yếu lắm, làm sao mà ngự trị nó được ? Ngoài luật lệ và qui giới ra, người tu còn phải học các lý thuyết của Tam Giáo Thánh Nhơn lưu truyền hậu thế.

Tu theo Nho giáo, tối thiểu là phải học hai sách: Đại Học và Trung Dung, để thiết hành ba phương pháp: (1) **Tĩnh sát**; (2) **Khắc tri**; (3) **Tôn dưỡng**; cốt để tìm hiểu cái tâm tánh của mình, trước là tu thân, sau là xử thế.

Kể đó, cũng nên học thêm cuốn Luận Ngữ và cuốn Mạnh Tử, cho trọn bộ Tứ Thư. Bộ sách này gồm một phần lớn của giáo lý đạo Nho, chủ về nhơn đạo (*luân lý*) nhiều hơn hết.

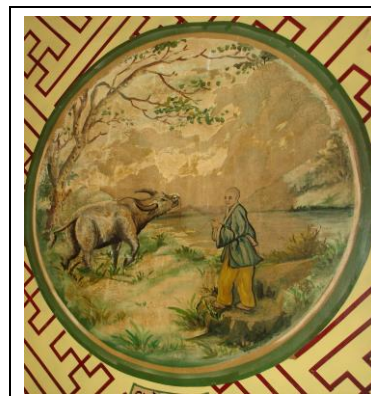
Tu theo Đạo giáo, phải coi Kinh Cảm Ứng, cuốn Âm Chất **Văn**, cần luận về hồn phách, tội phước, để cầu siêu khỏi đọa, hưởng phước lộc ở đời này.

Tu theo Phật giáo, cần học kinh Nhân quả, thuyết Pháp tướng Duy thức, để biết trong cái tâm thức của con người, phần nào là Vọng, phần nào là Chơn, phần nào là dữ, phần nào là lành, để tránh cái ác nghiệp làm cho linh hồn phải sa vào ba đường ác thú là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và chịu hình phạt cực kỳ thống khổ.

Nếu ta hiểu biết nhiều chừng nào về linh hồn, về tâm thức, thì có thể diệt trừ ảnh hưởng của xác thịt, của dục vọng, của tập quán của ta nhiều chừng nấy. Tuy ban sơ ta thấy khó khăn, coi như con trâu trong hình vẽ nó chống chọi với ta thế nào, mà lần lần với thời gian, nếu ta biết cách dụ dỗ nó, thì lần lần nó cũng trở nên hiền lành, êm dịu.

Các đức giáo chủ đều nói như thế, các đạo hữu hãy tin nơi tôi và ráng tu tập theo các lời dạy, thì sẽ đặng kết quả chẳng sai. Hễ sức cố gắng nhiều chừng nào, thì thời gian tu tập sẽ đặng rút ngắn lại nhiều chừng nấy. Con trâu làm dữ lúc ban đầu, nhưng nếu ta chống trả với nó vài kỳ cho mãnh liệt, thì sẽ thấy nó yếu sức lần lần, rồi rút cuộc ngoan ngoãn quày đầu mà đi về một hướng với ta. Mà đây là họa đồ số năm nói về sự “*Chăn Trâu*”. (*L’Homme*

s’empare du buffle, mais il le maintient difficilement).



V. HỌA ĐỒ

“**CHĂN TRÂU**”

Đây là họa đồ chăn trâu. Các đạo hữu nhìn coi trong họa đồ, sợi dây dầm cột trâu này có khác với sợi dây dầm trong họa đồ trước chăng? Khác chỗ nào? Trong họa đồ trước sợi dây dầm cứng thẳng để tỏ ra rằng ta phải thẳng thẳng, dùng hết sức mình, mới là ngự trị con trâu được. Còn ở đây, sợi dây dầm lơi mà dùng, ta chỉ nắm nó nhẹ nhàng, cho có chừng vậy thôi, mà con trâu vẫn êm ái, uyển chuyển đi theo ta.

Tới đây, cái tánh con trâu đã thuần thực rồi, vui theo ta, tức là vui theo con đường lành, khỏi cần phải nhắc nhở nữa. Ta vừa nhích sợi dây dầm, vừa giá lên cây roi, thì nó đã hiểu ý ta, mà làm theo ý ta muốn. Tuy ta thấy con trâu bề ngoài hiền lành như vậy, mà có lúc nó cũng còn ngang ngạnh không chịu theo lệnh ta.

Đó là lúc nó đi ngang qua đám ruộng lúa, ta giựt

sợi dây dằm ra ngoài, mà nó cũng lúi đầu vô đám lúa để kiếm ăn. Hoặc là lúc nó thấy trâu cái, nó cũng muốn giứt đứt dây dằm để nhấm chạy theo mục đích, chớ không còn nghĩ đến ta nữa. Vì có đó, tuy con trâu đã có vẻ hiền lành tiềm ẩn bên trong, cũng còn có ít nhiều dục vọng, nên ta chưa dám bỏ luôn sợi dây dằm, nghĩa là không còn giữ luật lễ, quy giới.

- Có người nói: Theo ý tôi, không làm dữ với ai, không ăn cắp ăn trộm của ai, không làm điều gì trái phép Nhà nước,... là đủ rồi. Cần chi phải lao tâm tiêu tứ, mà đi tìm những việc đông dài đầu đầu cho mất thì giờ.

- Thừa chưa đủ, đó là mới tự tiêu cực mà thôi, nghĩa là mới lánh việc dữ, như tôi mới vừa nói: lúc bình thời tuy thấy hiền lành, mà bên trong con trâu còn tiềm ẩn ít nhiều dục vọng. Dục vọng này bị áp lực của ta dồn ép nó, chớ nó chưa phải thiệt dứt. Hễ gặp cảnh thì nó sanh tình ngay, tới đó khó mà ngự trị nó nổi.

- Vậy ta phải làm thế nào mới là tuyệt hết cái lòng tham si, dù sạch các thứ dục vọng ?

- Những cách tu hành ở trên là phương pháp thế gian đó thôi. Muốn trừ dục vọng, tham si đến cội rễ của nó, thì phải dẹp hết cái ta, cái bản ngã.

Phàm còn cái ta, là còn có tánh phân biệt, còn có tánh so đo: cái này của tao, cái kia của mày, mày không được phép động đến cái của tao, mày không có quyền lấy

cái đó của tao. Rồi có ai vi phạm đến cái của ta, thì lòng ta phùng phùng nổi sân si, nào lấy cây hèo muốn đánh người ta, nào dùng lời thô lỗ để thóa mạ người ta, quyết chết sống chớ không chịu nhượng bước.

Bởi có đó, về việc nhỏ thì người đời sanh thù hiềm, chém giết lẫn nhau. Về việc lớn, thì có giặc giả nổi lên, nước này tru nước nọ,, ai cũng cho mình là phải cả. Rốt cuộc bên nào cũng chịu thiệt hại. Rất đáng tiếc !



Từ họa đồ số 1 cho đến họa đồ số 5, những phương pháp đó còn thô cạn, chưa đặng hoàn toàn, vì chưa diệt hết Vọng tâm, nên tôi đã nói: đó là phương pháp thế gian, chớ chưa phải Chánh pháp. Phương pháp thế gian cũng gọi là nhơn đạo, là luân lý (*exotérisme*). Còn Chánh pháp (*ésotérisme*) là phương pháp siêu việt, lên trên chỗ hiểu biết của kẻ phàm phu tục tử.

Đạo Minh Lý chẳng phải lo về phần nhơn đạo mà thôi. Chánh vai của Đạo Minh Lý là vụ về phần Chánh pháp, cũng gọi là Thiên đạo, là Huyền công. Chắc có người trong Đạo Minh Lý, mặc dầu thường ra vào trong chùa, mà không để ý đến hai câu liền ngay trước cửa Chánh điện như vậy:

***Thống Tam giáo dĩ tôn sùng, tân tự trúc thành hưng
Chánh pháp,
Hiệp vạn nhơn nhi giảng luận, cựu kinh đàm bãi dục
Linh căn.***

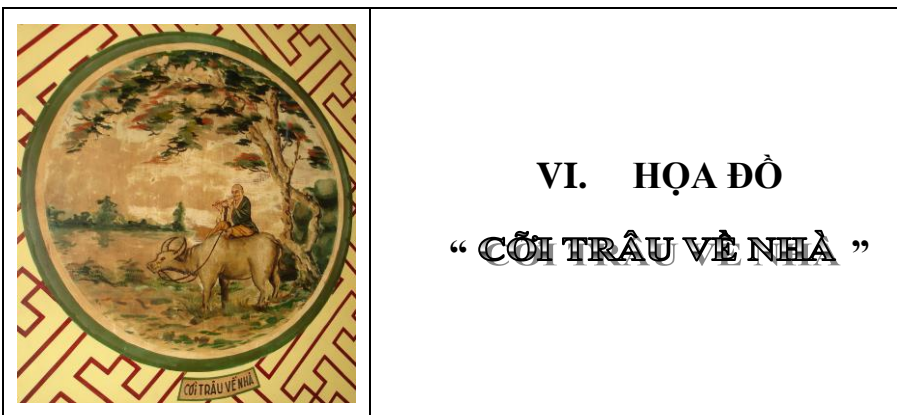
Nghĩa là:

Gồm hết ba giáo (là Nho, Thích, Đạo) mà phụng thờ, chùa mới cất xong, sẽ phục hưng Chánh pháp (nghĩa là làm cho Chánh pháp trỗi dậy, mạnh mẽ khắp nơi).

Hiệp đến muôn người mà giảng giải, kinh xưa nói rồi, ai cũng nuôi Linh căn (nghĩa là tu dưỡng Linh căn của con người, tức là Linh tánh, cũng gọi là Lý tánh, là Cốt thân, v.v...)

Vậy tới họa đồ thứ năm (L'Homme est en train de garder le buffle, mais ne le laisse pas encore en toute liberté) là Nhơn đạo đã dứt. Từ họa đồ thứ sáu sắp tới là nói về Thiên đạo, về Chánh pháp, xin các đạo hữu lưu ý.





VI. HỌA ĐỒ

“ CỎI TRÁU VỀ NHÀ ”

Trên nói: Cách tu theo thể gian hãy còn phân biệt, so đo. Mà phân biệt, so đo là vì ta còn thấy có hai (dualisme). Nếu ta thấy cái này là không phải của ta, thì ta sanh lòng chán ghét, nghi kỵ. Còn nếu ta chỉ thấy có một, thì còn gì mà so đo ? Nếu ta chỉ thấy ta với người có một, không phải khác nhau, ta như người mà người cũng như ta, thì các sự rắc rối chấm dứt ngay. Rồi tình hòa ái nhau, biết giúp đỡ nhau cũng bắt đầu từ đó. Hễ có tình hòa ái, giúp đỡ nhau, thì cảnh thái bình hiện ra trước mắt, cõi trần gian biến thành nước Cực Lạc quốc của đức Phật A Di Đà.

Đức Thích Ca Phật Tổ cho rằng: ngoài Phật tánh hay là Lý tánh ra thì các việc khác nhau chi chi cũng đều là giả dối, không thiệt. Nó chỉ là cái bóng vang của sáu trần hiện ra trong Chơn tánh của ta mà thôi, cái bản ngã của ta cũng thế, cho nên trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật mới trả lời ông A-Nan (coi phía trước) rằng: “*Chánh tên của nó là “Cái tư tưởng do tướng giả của sáu trần mà khơi”*

hay làm mê hoặc Chơn tánh của người”

Cái bản ngã này mà ta thường tưởng nó là ta, cái đó không thiệt là cái ta. Xin nhắc lại: Nó là Vọng tâm (*Ce n'est pas le vrai moi, c'est le moi sentimental*). Nó không phải thiệt ta, tức là ở ngoài ta. Cho nên mới gọi nó là pháp như mọi sự vật, như các pháp khác.

Vì có đó, Phật chia trong đời có hai thứ: **NGÃ** và **PHÁP**, hay là: cái Ngã (le moi) và cái không phải Pháp ngã (*le non-moi*). Cũng có kinh gọi nó là: **NHƠN** và **PHÁP**. Như trong bài Tâm kinh:

***Không hơn, không pháp mới là
Phát khai trí huệ, vượt qua kia bờ.***

Cuốn “*Phật giáo Tâm lý học*” của tôi xuất bản gọi nó là hai thứ vô ngã:

a) **Bổ-đặc-già-la vô ngã**, nghĩa là: lìa ra hết các hành động của duyên sinh, mà riêng có một cái thiệt ngã, là không thể nào có vậy được.

b) **Pháp vô ngã** nghĩa là: Tánh thể của các hành động duyên sanh, không phải là thiệt ngã vì lẽ nó vô thường.

Ai còn giữ hai thứ ngã này, thì gọi là *chấp ngã, chấp pháp*. Chấp ngã, chấp pháp lại cũng có *phần thô, phần tế*, chẳng khá không phân biệt. Vậy phải trừ cả hai thứ: Ngã và Pháp, mới thấu đạt cái nguồn của Nhứt tâm, tới chỗ thiệt giác ngộ của nó được.

Vậy trong họa đồ sáu này, các đạo hữu thấy mình tự “cỡi trâu về nhà”.

Con trâu ngoan ngoãn tự đi về nhà, vì tâm tánh nó đã thuần thực rồi. Về nhà tức là lên đường để qui nhập với bản tánh. Còn ta cỡi trâu thôi sáo, lòng thản nhiên vô sự chỉ biết vui nghe tiếng sáo, thanh thót, du dương, tuy thân còn cỡi trâu nghe sáo, mà lòng phàm đã giảm rất nhiều, không còn biết chi đến thế sự nữa.

Đây là họa đồ tượng trưng hàng Thỉnh văn Nhị thừa, mới vượt qua khỏi cảnh kẻ phàm phu chấp cái ngã phân biệt trong Ngũ uẩn (*năm ấm*), hay là người ngoại đạo chấp thân ngã (*đã giải trong năm đồ trước*) để chịu lấy **Phần đoạn sanh tử**, nhưng chưa lìa được cái Ngã Cu-sanh, nên phải chịu lấy cái khổ vi tế của **Biến dịch sanh tử**.

Con trâu là tượng trưng cho Ngũ uẩn, còn con người là ta đã hết chấp *ngã phân biệt* (thô), nhưng còn cái *ngã Cu sanh* (tế).

Theo phương pháp “*Tứ liệu giản*” của phái Thiền Tông, họa đồ này là giai đoạn thứ nhứt, gọi là “*Đoạt nhơn bất đoạt cảnh*”.

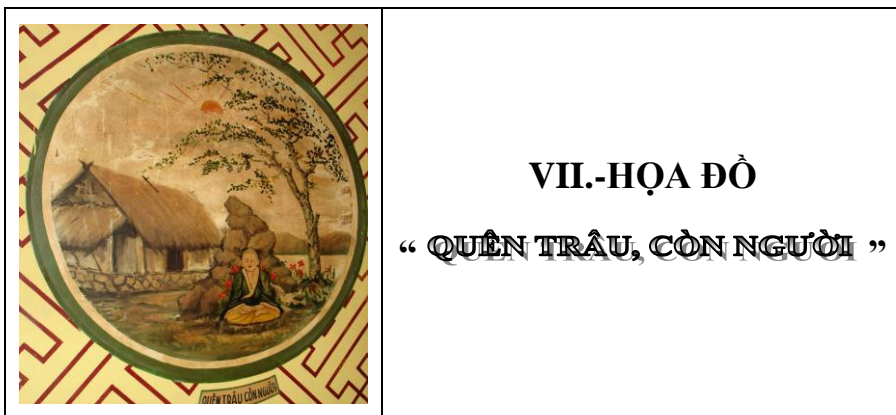
Đây gọi là ngã và pháp nói trên là: nhơn và cảnh. Còn đoạt là cướp lấy, có nghĩa là: dẹp bỏ đi, đừng để cho nó tồn tại. Vậy đoạt nhơn là dẹp bỏ nhơn, là đừng chấp ngã Đó là lời nói đặc biệt của phái Thiền Tông, có tên riêng là: thoại đầu hay là công án.

Có một vị cao tăng giải thích rằng: “*Người tu đặng trí huệ rồi, tâm đặng lắng lặng, thì cảnh ngoài không sao trở ngại cho mình được. Lúc nào thấy cũng phải bỏ người, không bị cảnh, mới dui dắt được hạng người hạ căn*”

Phật dạy rằng: “*Ở ngoài tâm của người không có cảnh. Nên trừ tâm đừng trừ cảnh, trừ ngã đừng trừ pháp. Tâm vắng thì cảnh lặng*”. Cho nên hàng Thỉnh-văn chỉ lo trừ ngã (*người cỡi trâu, tâm thản nhiên*), nhưng mà còn tin có pháp (*tượng trưng là con trâu*) (*L’Homme rentre au logis sur le dos de son buffle. Il a dompté et il est devenu calme*).

Đáng lẽ nên vẽ con trâu không mà thôi, đừng vẽ con người, nhưng trên có nói: người này là người hết chấp ***ngã phân biệt*** (thô) nhưng còn cái ***ngã Cu-sanh*** (tế), phải tiến lên bực trên nữa, mới là hết cái ngã vi tế sau này.





VII.-HỌA ĐỒ

“ QUÊN TRÂU, CÒN NGƯỜI ”

Đây là họa đồ thứ bảy, con trâu biến mất, chỉ còn có người. Con người này ngồi thiền định, không còn Vọng Tâm, khác với cái ngã của kẻ phàm phu tục tử, đã quên hết các việc thế sự, cái chi ở ngoài Lý Tánh hay là Phật Tánh.

Hàng Bồ Tát tu theo họa đồ này, cho các pháp ở ngoài tâm, là không thiết có, hay là chỉ tồn tại trong một thời gian rồi cũng hoại, chớ không đặng bền bỉ, lâu dài. Cho nên con Trâu tượng trưng cho pháp, tới đây phải mất, không còn thấy nữa. (*L'Homme reste seul, le buffle disparaît. Il comprend qu'en dehors de l'esprit, tout n'est qu'illusions*).

Theo giáo lý của nhà Phật, hàng Thinh-văn Nhị thừa đoạt nhơn, hãy còn là thấp, phải đoạt cảnh, đoạt pháp nữa, mới là vào được ngôi cao của Đại thừa. Cho

nên trong bài Tâm kinh có câu:

*Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đã,
Lúc vào sâu Bát nhã ba la
Không nhơn không pháp mới là
Phát khai trí huệ, vượt qua kia bờ.*

Nghĩa là: các bực Bồ-đề-tát-đã (Bohdisattva) , nói tắt là Bồ tát, chẳng những đoạt nhơn hãy còn cạn cạn, mà thêm phải đoạt pháp nữa mới là vào sâu trong pháp Đại thừa. Cho nên tới đây pháp là con trâu cũng không còn nữa. Bài kinh trên nói không nhơn (tức là nói theo họa đồ trước), rồi tiếp theo đó nói không pháp (tức là nói theo họa đồ này). Đặng vậy mới có thể phát trí huệ mà lên bờ đại giác.

Theo phương pháp “*Tứ liệu giản*” của phái Thiền tông, họa đồ này là giai đoạn thứ nhì, gọi là “*Đoạt cảnh bất đoạt nhơn*”, nghĩa là: từ bỏ cảnh, chớ không phải từ bỏ người.

Một vị cao tăng giải thích: “*Người nào đặng trí huệ thì không còn làm lạc tìm cầu ra ngoài, chỉ chăm lo quán tâm. Thấy phải đoạt cảnh, chớ không đoạt người, thì mới điu dắt được hạng người trung căn*”.

Người thiền định bỗng nhiên đoạt cảnh, làm chân động đến thâm tâm. Cách chân động này không những trừ bỏ dòng tư tưởng đang lục đục tìm lối thoát, mà còn hướng được con người đến chỗ Vô tâm (*không còn tâm*).

Không còn cảnh, không còn tâm, là đến giai đoạn của họa đồ thứ 8 “*Quên cả trâu người*”.



Tới đây người cũng mất mà trâu cũng mất, hai bên không còn riêng rẽ nữa, mà đều nhập thành một khối trở nên trống không, chẳng còn phân biệt đâu là người, đâu là trâu nữa. Đây là cảnh Niết Bàn của Phật giáo.

Theo phương pháp “*Tứ liệu giản*” của phái Thiền tông, họa đồ này là giai đoạn thứ ba, gọi là: “*Nhơn cảnh câu đoạt*”, nghĩa là: Người và cảnh đều trừ bỏ hết (*Simple circle vide, tout a disparu. C’est le parx*).

Một vị cao tăng nói: “*Người và cảnh vốn là không, thì làm gì có vọng nữa ? vậy nên thấy phải đoạt cả hơn cả cảnh , mới có thể diu dắt được hạng người thượng căn*”.

Họa đồ thứ tám này để trắng, không có vẽ hình chi

cả, vì cảnh này là cảnh trống không, hơn cũng không mà cảnh cũng không. Nhưng Phật giáo không phủ nhận là trong đó có gì hay không có gì hết. Vì phủ nhận như thế là mắc kẹt vào không chướng, nghĩa là: mắc kẹt trong cái không trở thành chướng ngại vật, là rơi vào cảnh giới vô thi vô minh.

- *Vô thi vô minh* là nghĩa làm sao ?

- Đó là cảnh mù mịt, mà trống không, không bàn không nghĩ được, không biết có từ hồi nào nên gọi là vô thi, mà có trước khi một niệm (một ý tưởng) dấy lên, trước khi tâm mới bắt đầu diêu động, trước khi cha mẹ ta chưa sanh ra ta, trước cả luân hồi sanh tử. Trong lúc này, tư tưởng không dấy lên, nên nghiệp lực cũng yên lặng, song chúng luôn luôn ở trong trạng thái tiềm tàng. Thế thì đủ biết vô thi vô minh chưa đủ tất cả tiềm lực của phiền não và Bồ-đề. Phật và chúng sanh cả đều kết đọng lại đó để chờ biến hóa, biến theo Chánh pháp.

Vậy người vào bực “*Nhơn cảnh câu đoạt*” chưa phải là giác ngộ, mà đó mới là cửa ải chót để cho người tu đi đến mục đích cứu cánh. “*Tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn*”.





Phật giáo Đại thừa và Tiểu thừa chỉ đi tới họa đồ thứ 8 mà thôi, duy có Phật giáo Thiên Tông mới tiến lên tới 2 họa đồ sau chót là: thứ 9 và thứ 10. Cho nên, Thiên Tông có câu nói “*Bá xích can đầu, du tiến nhứt bộ*”, nghĩa là: lên tột cây sào trăm thước, mà còn ráng lên một bước nữa.

Họa đồ thứ 9 mà tôi đương rọi ra đây là họa đồ “*Trở về cội nguồn*”. Chữ Tàu là “*Phản bản hườn nguyên*”, bốn chữ ghi trên thùng thơ tố cáo để tại hậu đường này. Thần Tiên chọn chữ mà đặt tên mọi vật trong Chùa này, rất có ý nghĩa sâu xa lắm.

- Trở về cội nguồn nghĩa là gì ?

- Trở về nghĩa là đi ngược lại, quày đầu. Cội nguồn nghĩa là: nơi quê cha đất tổ, chỗ chôn nhau cắt rún của mỗi người.

- Nói thế là có ý nghĩa làm sao?

- Nói về nước thì trở về đây là trở về nguồn đầu (lòng suối mạch nước trên núi). Nếu nói về cây cối thì trở về đây là trở về cội rễ (gốc rễ cây chôn sâu dưới đất). Cho nên Phật giáo tiểu thừa định nghĩa là: Trở về Niết bàn, là nguồn đầu của muôn vật, là bản thể của các hiện tượng.

Ở mấy chỗ khác mà giải như vậy có thể gọi đúng. Mà ở đây theo Thập Mục Ngưu đồ này, thì nghĩa đó không hợp dùng được nữa. Vì ta mới qua khỏi họa đồ thứ 8 là cảnh tịch diệt Niết Bàn rồi, bây giờ phải trở lại đó nữa hay sao? Nếu vậy, là thôi bộ hay sao ?

Phật giáo Đại thừa giải thích có khác. Thiên Tông nói rằng: “*Thối bộ khước lai*”. Nghĩa là Thối bước trở lại. Ý nói: Lên tột cây sào một trăm thước, rồi phải thối lại một bước. Đó là công việc của người tu hành phải lo, sau khi giác ngộ viên mãn. Nghĩa là dường như nghịch với câu nói trên: “*Bách xích can đầu, du tán nhứt bộ*”.

Chơn ngôn tông nói rằng: “*Hườn tướng hồi tướng*”, nghĩa là dùng **vãng tướng** (*cầu vãng sanh*) để đi đến nước Cực Lạc. Rồi sau dùng **hườn tướng** (*trở về cõi trần*) để lo mở đạo của Phật Tổ. Đó là tới cảnh giải của Phật rồi, nhưng phải thối lại một bước, để là phạm sự bỏ tát. Vì có đó mới có thuyết: Có vị Bồ tát thành Phật, mà vẫn ở lại trần gian để độ chúng sanh, chớ chưa về Niết

bàn.

Nhưng theo ý tôi nghĩ, không phải thối bộ, mà cứ thứ tự 10 họa đồ, lại có phần tiến bộ. Đây tôi xin nhắc câu nói của Thiên tông trong họa đồ trước (số 8). Người vào bực “*Nhơn cảnh câu đoạt*” chưa phải là giác ngộ (không khéo sẽ bị lọt vào cảnh giới vô thủ vô minh), vì đó mới là cửa ải chót để cho người tu đi đến mục đích cứu cánh: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Đủ thấy mục đích cứu cánh của Phật giáo còn cao hơn nữa.

Theo “*Tứ liệu giản*” phần thứ tư là “*Nhơn cảnh câu bất đoạt*” nghĩa là: Người và cảnh đều không trừ bỏ. Không trừ bỏ nghĩa là còn y nguyên không mất, đâu đó giống như xưa. Nhưng theo Thập Nguru đồ, lại chia ra làm hai họa đồ: một là họa đồ thứ 9 “*Cảnh bất đoạt*” hai là họa đồ thứ 10 “*Nhơn cảnh bất đoạt*”.

Đây là họa đồ thứ 9 “*Cảnh bất đoạt*” nghĩa là: không trừ bỏ cảnh. Cho nên trong họa đồ này, ta chỉ thấy cảnh, mà không thấy người.

Kế đây là họa đồ thứ 10 “*Thung dung vào chợ*”, theo “*Tứ liệu giản*” là “*Nhơn cảnh câu bất đoạt*” nghĩa là: Đều không trừ bỏ người và cảnh. Cho nên trong họa đồ này, ta thấy luôn cả cảnh, cả người.

- Sao gọi như thế ?
- Tổ Lâm Tế giảng giải (theo lời dạy bằng công án,

thoại đầu): “*Trong khi Vua ngự trên ngai, thì các ông kỳ lão ca hát ngoài đồng*”.

Một vị cao tăng lại nói: “*Đối với người đặng trí huệ rồi, thì tự nhiên tâm là tâm mà vật là vật. Thấy đừng nên trừ bỏ người, trừ bỏ cảnh, mới dều dắt được hạng người siêu căn*”

Chon lý chỉ có thể tìm trong thật nghiệm và tu chứng, chớ không phải bằng tri thức mà phủ nhận và chấp nhận đa đoan. Có tự chứng mới tuyệt hết mâu thuẫn, chớ không phải như khoa biện chứng cổ điển dung hòa bằng lý trí, dạy rằng: *cái đê (thèse) và cái phản đê (antithèse) dung hòa với nhau thành ra cái tổng đê (synthèse)*.

Tất cả đều bình đẳng, nếu không có hấp lực gì của cái tôi, cái bản ngã. Cứ lấy trí Bác Nhã mà nhìn thẳng vào muôn vật, toàn thể cũng như sai biệt, sai biệt cũng như toàn thể không còn có cái gì là cái tôi và cái không phải tôi, cái có và cái không, v.v...

Khi qua khỏi họa đồ số 8 là cảnh Niết bàn rồi, thì tâm linh đã thật hiện rồi, dứt hết mọi thành kiến, nên đâu cũng là Đạo Tràng, đâu cũng là cảnh Phật, là **Vô trụ xứ**, là **Tự Tánh tinh**. Rồi trở về thì người vẫn là người đó, cảnh vẫn là cảnh đó, chỉ khác là cái **không còn phân biệt, chia rẽ**, nên coi tất cả đều bình đẳng như nhau, tự nhiên mà hợp Đạo, tức là đặng cái “*Bình thường tâm*” của phái Thiên Tông đó.

Thế có phải là “*Đi vào chợ*”, nghĩa là lộn theo thế tục, mà độ chúng sanh, lòng vẫn thản nhiên, “*thung dung*”, không chút bị che án trở ngại.



KẾT LUẬN

Theo Công án của Thiền Tông, thì ba mươi năm đầu, khi chưa học thiền, tôi thấy núi là núi, thấy nước là nước:

*Kiến sơn thị sơn,
Kiến thủy thị thủy*

(Chấp nhận như câu Descartes: Tôi suy tư ...)

Đến sau, có hiểu được ít nhiều Thiền Tông, thì tôi lại thấy núi chẳng phải là núi, thấy nước chẳng phải là nước

*Kiến sơn bất thị sơn.
Kiến thủy bất thị thủy*

(Phủ nhận bài học vỡ lòng là có mà thành không phải có)

Ngày nay ngộ lý đạo thì dòm xem lại, thì y nhiên thấy núi chỉ là núi, nước chỉ là nước.

*Kiến sơn chỉ thị sơn
Kiến thủy chỉ thị thủy*

(Chứng ngộ Tôi không suy tư (Vô niệm) tức là tôi thiệt có)

Vô niệm là không nghĩ, không nghĩ mà nghĩ. Không nghĩ là không nghĩ dưới áp lực của quá khứ theo chỉ thị của lý trí, của bản ngã.

Còn nghĩ là tự nhiên mà nghĩ, không cố ý, không dụng công, tự nhiên như chim bay cá lội.

Đó là trí Bát Nhã, không vô tâm hữu tâm, không

chủ quan khách quan, mà tùy cảm ứng, một cách hồn nhiên.

Trước khi dứt bài giảng này, tôi xin cầu chúc cho thế giới thái bình, muôn dân lạc nghiệp.

Rất Lòng Thành Tín



BÁC NHÃ THIÊN SƯ



Bài chữ TÂM



(Chánh Pháp Nhãn tạng Niết bàn Diệu Tâm)

(14 - 12 - 1974)



BÀI



1. *Đạo là gì ? Không là gì cả !
Chớ cái gì hóa hóa sanh sanh?
Cái không phải, cái vô danh,
Không sanh không hoá, hóa sanh muôn loài.*
2. *Nó ở đâu? trong ngoài cho biết?
Không ở đâu, kỳ thiệt khắp nơi.
Trong, ngoài, cũng bật tâm hơi,
Hu hu thiệt thiệt, không lời giải phân.*
3. *Vậy chớ nó là nhân hay quả ?
Không ! Nó trên tất cả đối thù ;
Huyền huyền diệu diệu nhiệm màu,
Theo đuôi chẳng thấy, đón đầu cũng không.*
4. *Vậy Đạo khác, Hóa công vẫn khác,
Hay một ngôi xuất phát sanh thành?
Đã rằng vạn hữu bốn sanh,
Nguyên lai chỉ một Mẹ lành Kiền Khôn.*
5. *Trời Đất hiện, ti tôn định rõ,
Âm dương phân, đây đó là hai;
Thiên hình vạn tượng khác sai,
Chơn tâm bình đẳng, mắt tai chia lìa.*
6. *Hòa lưỡng nhứt, nọ kia làm một,
Một mà ba, then chót sanh thành;
Hai nghi, bốn tượng vận hành,
Tám ngôi, sáu bốn (64) quái danh hiện trình.*

7. Vô hóa hữu, thân hình cu hội,
Hữu hoàn vô, triệt thối quái danh;
Thuận chiều, tử tử sanh sanh,
Nghịch lưu, phản bốn, kỳ thành đại trung.
8. Trung chưa hiện: yêu, mừng, giận, ghét,
Trung hiện ra, đúng tiết hòa giai;
Sáu căn duyên với cảnh ngoài,
Tình nương theo ý, phiêu nhai đất người.
9. Tuồng ảo hóa đầy voi biển khổ,
Chán chường rồi tỉnh ngộ quày chân;
Biết ra là giấc mộng trần,
Men đường giải thoát, thiên chân cội nguồn.
10. Đạo vô vi luôn luôn còn mãi,
Đời vô thường bởi tại hình danh;
Vô cầu chứng quả vô sanh,
Lòng mà **Vô niệm** chứng thành như chơi.
11. Người thọ đức, Đất Trời ban phú,
Khí âm dương ngưng tụ thành hình;
Quý thân giao hội chí linh,
Ngũ hành tú khí kết tinh nhiệm mầu.
12. Tâm đức ấy há cầu mà được,
Nhơn thân này nhờ phước gặp may;
Sánh cùng Thiên Địa tam tài,
Trai lành, gái hạnh, giới mài thanh cao.
13. Tâm rộng lớn trùm bao trời đất,
Đức tạo sanh muôn vật tinh cầu;
Buông ra, trải khắp đâu đâu,

- Gom về, còn nhỏ hơn đầu sợi lông.
14. Muốn nói "**không**", thật không hằng cửu,
Nói "**có**" thì thật hữu chơn thường;
Ở Trời làm chủ âm dương,
Nơi người, nhơn nghĩa, kỷ cương, pháp quyền.
15. Rát hồn hồn thiêng liêng trong sáng,
Cả hiển vi vô gián thái hòa;
Ngại khi tâm ấy vọng tà,
Gây nên xáo trộn ta bà đảo điên.
16. Thường răn đe "**tâm viên ý mã**",
Khá ngăn phòng phước họa không nơi;
Xưa nay tôn giáo dạy đời,
Đọa siêu bởi đó, khuyên người tu tâm.
17. Nó phóng tán, mau tâm đem lại,
Nó lệch sai, hoán cải quân bình;
Vọng thành biển thức vô minh,
Bế căn, chỉ niệm, tâm tình hườn hư.
18. Kia Trời Đất như như thanh tịnh,
Mà Kiền Khôn an định hồn nhiên;
Đạo là mực thước trung kiên,
Đời đời mãi được vẹn nguyên vững bền.
19. Lìa trái Đạo, xuống lên sáu nẻo,
Bị trần căn lõi kéo vắn vương;
Ngăn chia phàm thánh đôi đường,
Bởi trong tâm sở, tâm vương đặt bày.
20. Muốn nhập Thánh thì quay trở lại,
Muốn về Thầy, đổi cải phàm tâm;

- Muốn tu, triệt thoái quân âm,
Muốn nên Bồ Tát, nhỏ mầm vô minh.
21. Mê, nhứt tâm biến thành tám thức,
Thức phân chia thứ bậc, thân thù;
Ghét thương loạn tướng phù du,
Trần căn gieo gặt, phát thu nhón nhàng.
22. Thức rảo khắp muôn vàn lịch kiếp,
Mãi gây nhân, tạo nghiệp luân hồi;
Ngày ngày nẩy tọc đâm chồi,
Thức: lưu, gia, tập,¹¹ tăng bồi thêm đông.
23. Dòng họ thức chi tông đủ loại,
Tương hệ nhau nội ngoại ý tình;
Hóa ra vạn trạng thiên hình,
Rồi vin vào đó pha tình ngọt chua.
24. Tình thức xúm bán, mua, đổi chác,
Gia vị thêm mặn, lạt, màu mè;
Bao nhiêu sự thật lấp che,
Diễn trò ảo thuật mê lờ người ngu.
25. Dìm đời trong ao tù biển khổ,
Sớm may duyên giác ngộ hồi đầu;
Ngược xoay cái dụng tham cầu,
Trở về nguyên thể ban đầu là TÂM.
26. Khởi tu đó, giữ cầm nơi đó,
An trụ đây nghe ngó vào đây;

¹¹ Thức lưu truyền, Thức gia truyền, Thức tập truyền

- Thần ngưng, tinh khí đủ đầy,
Ngược xuôi chỉ một pháp này mà ra.
27. Đời thường nói: tâm ma, tâm Phật,
Ma rong theo cảnh vật sắc trần;
Phật hay quán chiếu tự thân,
Dụng công nghịch thuận, đôi phần khác nhau.
28. **Tâm Kiên-thật** một màu trong sáng,
Không nhiễm ô dính dáng bụi hồng;
Tròn đầy như thể hư không,
Bất sanh, bất diệt, ngoài vòng nhơn duyên.
29. Góc Trời Đất tâm nguyên có một,
Mà suốt thông cùng tốt hữu vi;
Không làm, không lại, không đi,
Không đâu chẳng đến, không chi chẳng làm.
30. Đâu phải như tâm phàm ngưng trệ,
Đi lại nhiều, làm kẻ biết bao?
Được chi, hỏi tiến bước nào,
Hay là mơ mộng, chiêm bao huyễn trò?
31. **Tâm như-thật**, Trời cho chẳng giữ,
Gọi căn trần **duyên-lự** làm tâm;
Lãng xảng buông bỏ, bắt cầm,
Nhỏ râu lão nọ cầm cầm mù kia
32. **Tâm phan-duyên** không lìa vọng niệm,
Dấy lòng phàm, đoạt chiếm tranh giành;
Ngày ngày sanh sự sự sanh,
Vét vơ đủ cách, tung hoành đủ phương.
33. Kẻ lạnh xảo không lường nổi ý,

- Thêm mắt, tai lợi khí chẳng vừa;
Kẻ chi then khóa ngăn ngừa,
Vào ra ai thấy, đảo lờ ai hay ?*
34. **Duyên-lự tâm** già tay lợi hại,
Khéo gieo trồng gặt hái muôn duyên;
Thắm, hồng, sanh sát, đủ quyền,
Suy lường tính toán đảo điên trăm đường.
35. *Hay biện biệt, ghét thương, bỏ lầy,
Động căn trần liền dấy tham sân;
Mạt -Na tạo quả gây nhân,
Luân hồi sanh tử lần khôn tuần hoàn.*
36. **Tích-tập tâm** kho tàng chủng tử,
Nhật ba đời tích trữ vào đây;
Phát thâu do ở nơi này,
Thánh, phàm khác giống wong gây bên trong.
37. *Khéo xông ướp, niêm phong kỷ lưỡng,
Duyên-lự và tư-lượng chăm lo;
Kiếm tìm, cất đặt vào kho,
Chưa dùng để đó, làm trò đem ra.*
38. **Kiên-thật tâm**, ấy là tâm Phật,
Tích-tập tâm, vàng thật lộn chì;
Hai tâm kia mới hiểm nguy,
Mạt-na, ý -thức cực kỳ tinh ranh.
39. *Mượn ngũ uẩn vàng, xanh, đen, đỏ,
Biến chế bao nhiêu đó đủ màu;
Vẽ thành Đất thấp Trời cao,
Sơn hà, cảnh vật, trông vào như in.*

40. *Giả với thật, ngắm nhìn chẳng khác,
Khiến bao người làm lạc hướng đi;
Chánh tà suýt soát một li,
Không thầy chỉ dẫn, thị phi khó tường.*
41. *Phật khởi xướng vô thường, vô ngã,
Ngã, Pháp, đều huyễn hóa, ảo huyền,
Đoạn lìa thập nhị nhân duyên,
Thì đâu còn chấp, còn thiên hồ đồ.*
42. **“Thế thượng vạn ban đô thị giả,
Nhơn gian đạo đức quả vi chơn”**.
Có câu : **“Họa phúc vô môn”**,
Đọa siêu do cả tâm hồn gây ra.
43. *Chỉ có cách **thiền-na tam-muội**,
Mới tỉnh tâm tắt nguội lòng phàm;
Diệt trừ tận gốc sân, tham,
Mới mong thanh tịnh, mới làm vô vi.*
44. *Chỗ lập địa tu trì đón nhập,
Giữa hình đồ chữ thập giao liên;
Tinh thần, hồn phách quy nguyên,
Tam hoa, ngũ khí triều huyên nhưt chơn.*
45. **TIÊN** luyện mạng, huòn đơn nhập Thánh,
PHẬT sáng tâm, thấy tánh siêu phàm;
NHO phân thế đạo đương kham,
Bão trung thủ nhưt, dưỡng hàm hạo nhiên.
46. *Hội Tam Kỳ qui nguyên vạn giáo,
Gồm: Thích, Nho, Gia, Lão một nhà;
Vì đời chia bảy rẽ ba,
Phải đem tôn chỉ dung hòa năm châu.*

47. *Pháp môn đủ, trong sâu ngoài rộng,
Đạo thời Trung, tịnh động suốt thông;
Đại thừa có pháp huyền công,
Khai, thị, ngộ, nhập, tánh Không hiện bày.*
48. *Tánh Không ấy “**Bản Lai diện mục**”,
Thấy biết rồi hàng phục vọng tâm;
Bấy lâu nhận thức sai lầm,
Lại qua, động đây, tưởng tâm của mình.*
49. *Tâm thức ấy vô minh trói buộc,
Sống trong vòng hạn cuộc tối tăm;
Cũng vì nhận “**thức**” làm “**tâm**”,
Bắt, buông, nắm, bỏ, oái oăm đủ trò.*
50. ***Tu-lượng tâm** so đo chấp ngã,
Duyên-lự tâm bám gá sáu trần;
Ngày ngày náo loạn tâm thân,
Dấy lòng ưa ghét, tạo nhân luân hồi.*
51. ***Tích-tập tâm** nổi trôi sáu nẻo,
Tự cho rằng khôn khéo thông minh;
Oan khiên ràng buộc lấy mình,
Để cho lục dục, thất tình khiến sai.*
52. ***Kiên-thật tâm**, Như-Lai tự tánh,
Bị trần căn duyên ảnh che mờ;
Muốn tìm trở lại nguyên sơ,
“**Y-tha**”, “**biển-kế**” quyết ngò ùng đờng tin.*
53. *Quyết buông bỏ, không vin, không dựa,
Không để lòng nghiên ngửa vấn vương;
Tin rằng cả thấy vô thường,*

- Nhứt như¹² bình đẳng là đường tối tôn.*
54. *Bình đẳng ấy, pháp môn bất nhị,
Bác Nhã là Chơn-trí Nhứt như;
Tiên gia chế luyện Tâm **Hư**,
Vô vi, tế vật, vô tư, vô tà.*
55. *Phật đẹp bỏ cái Ta chấp kiến,
Nho tôn tâm, chí thiện, chánh thường;
Xưa nay Tam giáo một đường,
Tìm cầu trở lại mới “**giường**”¹³ nguyên sơ.*
56. *Lúc Trời **Đất** sinh cơ chưa hiện,
Lúc con người thân huyễn chưa sanh;
Hư vô trống rỗng lặng tanh,
Bên trong một khí lưu hành mà thôi.*
57. ***Một khí** ấy là ngôi **Bác Nhã**,
Rỗng lặng kia là quả **Niết bàn**;
Đức trí tịch chiếu rõ ràng,
Vô Cực, Thái Cực hàm tàng không hai.*
58. *Thái Cực cũng Như-Lai tạng tánh,
Gồm đủ đầy muôn hạnh, muôn duyên;
Thể tâm sáng suốt diệu huyền,
Kỳ đại, kỳ tiểu¹⁴ nằm nguyên trong này.*
59. *Tịnh và động vẫn xoay một khí,
Sắc và không nguyên ủy một nhà;*

¹² TN 23-6-1976 : viết **nhứt chơn**, bài chữ Tâm đánh máy toàn bộ viết **nhứt như**

¹³ Giường=Giềng

¹⁴ Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội: Lớn không ngoài, nhỏ không trong (Không có cái nào lớn hơn cái tâm và cũng không có cái nào nhỏ hơn cái tâm)

- Khí này vừa muốn mạnh nha,
Cũng là **thí giác**, cũng là Thiên Tâm.
60. Khí phát hiện sanh mầm kiến tướng,
Ấy công năng vạn tượng lộ bày;
Căn trần đừng nghĩ là hai,
Sanh lòng tham đắm trong, ngoài, tự, tha.
61. Tâm bất động ấy là Tâm Thánh,
Niệm khởi lên tà chánh rối bời;
Như lai tạc tánh biến đời,
Hóa tâm ý thức, lòng người đảo điên.
62. Tâm thức với trần duyên xáo động,
Mà biển lòng **gió sóng** không thôi;
Tĩnh ra, phàm thánh rõ rồi,
Thì mau hạ thủ phục hồi nguyên chơn.
63. **TIÊN** gia gọi **Kim đơn** một khối,
PHẬT gia gom muôn mối về **Không**;
NHO gia dĩ **Nhứt** quán thông,
Tam Kỳ tổng tướng huyền đồng quy nguyên.
64. Đừng vọng chấp huyền thiên sai khác,
Mà cân đo hậu, bạc, thân thù;
Còn lòng phân giới, chia khu,
Thì chưa thấy Tánh nguyên lưu một nguồn.
65. Thấy Tánh rồi ngàn muôn chẳng khác,
Như hư không man mác một màu;
Sắc, không đã chẳng trái nhau,
Đều do một khí ban đầu mà ra.

66. Khí ấy với cái Ta chân thật,
Cùng Đất Trời muôn vật cùng sanh;
Đến khi khí trở thành hình,
Có thân ngũ uẩn, thức tình che ngăn.
67. Muốn biết nó, tìm phăng lại gốc,
Gốc vốn không, tam độc đâu sanh ?
Nhơn duyên giả hợp huyền thành,
Vô thường biến ảo tan tành từng giây.
68. Có cái kia, cái này mới có,
Do cái này cái nọ mới sanh;
Trong vòng lẫn lộn, loanh quanh,
Bao giờ thoát khỏi tử sanh luân hồi ?
69. Tuồng ảo hóa biết rồi nên tỉnh,
Sớm vào nơi thiền định tu cầu;
Ngày ngày Bác Nhã hành sâu,
Chiếu soi vào chỗ nguyên đầu tánh “**Không**”.
70. Lấy vô niệm làm tông khai trệ,
Lấy “**vô tướng**” làm thể ly hình;
“**Vô trụ**” làm gốc “**vô sinh**”,
Thân, sơ đối với vật tình như không.
71. Niệm, tướng, trụ, thể, tông¹⁵, gốc vững,
Đạo Bồ Đề mạnh cứng biết bao?
Vô minh không chỗ xen vào,
Định, huệ kiên cố, tiêu dao tu hành.
72. Vòng “**bát thức**” chuyển thành “**tứ trí**”,

¹⁵ Bản TN 26-6-1976 đánh máy “Niệm, tướng, trụ thể” không”, gốc vững. Bài chữ Tâm đánh máy riêng thì ghi như trên

- Là nhờ công tu kỹ luyện tâm.
Hành trì Bát Nhã diệu thâm,
Tảo thanh tận diệt sạch mầm vô minh.
73. Muốn chứng quả, quên mình vì Đạo,
Phải nuôi lòng hoài bão xa xăm;
Dày công tu tập nhiều năm,
Mới mong ra khỏi tối tăm não phiền.
74. Khi nào thấy vọng duyên vắng lặng,
Trí cũng không mà đặng cũng không;
Không năng, không sở nơi lòng,
Lòng "không" ví tợ hư không Niết Bàn.
75. Trí Bát Nhã sáng choang pháp giới,
Tâm Bồ Đề không tới không lui;
Chiếu soi cùng khắp ngược xuôi,
Thoáng qua suốt tận đầu đuôi ngọn ngành.
76. Thấu đáy lòng hơn sanh toan tính,
Cùng chỗ nơi động tịnh đều hay;
Mười phương như tại bàn tay,
Cần gì trắc lượng, vẫn dài nghĩ quanh.
77. Nhận thức đúng, “**Viên-thành thật trí**”,
Thấu tâm can cốt tủy vật tình;
Y-tha, nương vật thấy hình,
Biến-kế sở chấp, vô minh hoàn toàn.
78. Trí thức nương giác quan tìm biết,
Thấy bên ngoài sự việc lại, đi;
Hành tàng họa phước cơ vi,
Biết bao ẩn áo biện suy sao cùng.

79. Khéo nắm vững thời Trung đương xứ,
Thuận đạo thường hằng sử tự nhiên;
Thân Tâm an trú chơn thiền,
Vượt qua tất cả vạn duyên pháp trần.
80. Dầu pháp ấy là chân cũng vậy,
Không để lòng nghe thấy vương vào;
Tiến lên muôn trượng chót cao,
Cao rồi chân bám đầu sào cũng buông.
81. Vượt qua cả ngàn muôn sai khác,
Vượt qua lòng thiện ác, tự, tha;
Vượt qua, tất cả vượt qua,
Tâm còn buông bỏ, lựa là hư danh.
82. Có Tâm, có chỗ sanh muôn pháp,
Pháp pháp đều qui nạp về Tâm;
Tâm, nơi tập khởi muôn mầm,
Không Tâm, nhứt thiết phù trầm đều không.
83. Không cũng chẳng còn không đâu nữa,
Cũng không còn chặng giữa, đôi bên.
Đừng ngờ rơi lạc bấp bênh,
Hòa trong sự sống, vững bền như như.
84. Lẽ nhược thiệt, nhược hư, thấu đắc,
Chỗ thị không, thị sắc, hội thông;
Thiên thai, tam đế viên dung,
Như nước với sữa hòa chung khác nào.
85. Có, không, đó mây hào chẳng vương,
Thấy có, không, niệm tướng chẳng sanh;
Tuyệt nhiên bật dứt dứt lành,
Vượt qua các cửa tướng, danh, chữ, lời.

86. Chơn tâm, tổ ba đời chư Phật,
Vọng thức, đường muôn vật xuống lên;
Bỏ buông năng, sở đôi bên,
Tức thì giác ngộ chóng nên Bồ Đề.
87. Vì chấp tướng, bấn mê khó thoát,
Còn trước tâm, bờ giác sao qua;
Chấp không, chấp có, thiên tà,
Lìa không, bỏ có cũng là bàng môn.
88. Bao giáo pháp THẾ TÔN dạy đó,
Vị ngón tay để trở mặt trăng;
Hương theo kiến tánh thường hằng,
Ngón tay nào phải mặt trăng bám ghì.
89. Đời hễ vớ được gì là chấp,
Giữ không buông, phá đập không tiêu;
Pháp môn, nghi lễ, giáo điều,
Y kinh, nhái sách, hiêu hiêu thị đời.
90. Kinh nghiệm khác xa người thể nghiệm,
Đón diệu tu mà tiệm thực tu;
Tu không học hỏi, tu mù,
Học không tu chứng khác nào một kinh.
91. Phật tánh có nơi mình đầy đủ,
Sở nhiếp tàng, ẩn phủ tàng che;
Đã khai, đón ngộ, phá mê,
Não phiền quét sạch trở về nguyên chơn.
92. **Bình thường Tâm** dữ non đòng thể,
Tín tâm tu định huệ đòng trì;
Lục hòa tùy xứ tiện nghi,
Vô công dụng địa, vô vi nhi thành.

93. Lòng như tánh gương lành trong sáng,
Dầu lãng xăng bóng dáng dị hình;
Tới, lui, đi, ở, mặc tình,
Có chi chướng ngại mà sinh não phiền.
94. Đành trong cõi non **thiên** huyễn não,
Mà Tâm thiên lòng đạo không lay;
Thuốc nào trúng bệnh cũng hay,
Dung thông, chớ khá chê bai đạo người.
95. Người hướng đạo vui tươi, sáng suốt,
Đường đã qua, cầm đuốc dẫn đường;
Pháp quyền, tiêu biểu làm gương,
Như thật, lẽ sống, tình thương, đặt đầu.
96. Như thật là Tâm mẫu pháp giới,
Lẽ sống, lòng phơi phới dương xuân;
Tình thương, toàn thể một thân,
Nhứt chơn bình đẳng xa gần không hai.
97. Dầu MINH LÝ, CAO ĐÀI, ngũ giáo,
Cũng đồng về với Đạo như nhau ;
Đành rằng kẻ chậm, người mau,
Đông, Tây khác cửa, cùng vào một Tâm.
98. Trống giác mê vang âm thức đổ,
Giục lòng người tỉnh ngộ quay chân;
Liên minh, hợp bạn tinh thần,
Cảm thông, cởi mở, xit gần lại nhau.
99. Có dịp bàn đôi trao học hỏi,
Góp phương hay cứu khỏi nạn đời;
Vị bằng khác ý nhiều nơi,
Theo Phật Phật lớn, theo Trời Trời cao.

100. *Cãi lầy nhau, chùng nào lẳng diu ?
Khúc nhạc lòng hòa điệu mới hay;
Nguyện cầu chánh pháp hoàng khai,
Đại đồng thế giới Như Lai xuất triền.*

NAM MÔ BÁC NHÃ CHƯ THIÊN¹⁶



¹⁶ TN 14.12.1974 ban vé 1:11
TN 28.01.1975 ban vé 12: 32
TN 12.04.1975 ban vé 33: 43
TN 23.06.1976 ban vé 44: 60
TN 26.06.1976 ban vé 61:77
TN 13.07.1976 ban vé 78 :100

MỤC LỤC

	Trang
Thập mục ngưu đồ	6
Đồ hình số 1	9
Đồ hình số 2	12
Đồ hình số 3	13
Đồ hình số 4	15
Đồ hình số 5	18
Đồ hình số 6	21
Đồ hình số 7	24
Đồ hình số 8	27
Đồ hình số 9	29
Đồ hình số 10	31
Giải nghĩa Thập mục ngưu đồ	35
Bài chữ Tâm	72



Đánh máy : Đại Cơ Minh

Trình bày : Đại Thái

Chịu trách nhiệm in : Đại Cơ Huồn